

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5069/QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 12 năm 2025 của  
Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình (Tiếng Việt): **Chương trình đào tạo tiếng Anh bán phần ngành  
Kinh doanh quốc tế**

Tên chương trình (Tiếng Anh): **International Business - Partial English-taught  
Program**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kinh doanh quốc tế.**

Mã ngành <sup>1</sup>: 7340120

Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**

Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo đề án tuyển sinh

Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**

Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng 12 năm 2025**

**1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):**

**1.1. Mục tiêu chung: (PO)**

Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có năng lực đáp ứng yêu cầu bậc 6 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ), có kiến thức, kỹ năng, và mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng cho doanh nghiệp và xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa.

**1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)**

<sup>1</sup> Mã ngành được ghi theo bảng mã ngành được Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo

Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp

Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập

Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế

## **2. Chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PI):**

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo **ngành Kinh doanh quốc tế** của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng: <sup>2</sup>

| <b>Ký hiệu CDR (PLOs)</b> | <b>Ký hiệu CSDG (PIn)</b> | <b>DỰ THẢO PLO/PI</b>                                                                                                                                        | <b>Mức độ đạt được<sup>3</sup></b> | <b>GHI CHÚ</b> |
|---------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|
| PLO1                      |                           | Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp. | 3                                  |                |
|                           | <i>PI 1.1</i>             | Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.                                     | 3                                  |                |
|                           | <i>PI 1.2</i>             | Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.  | 3                                  |                |

<sup>2</sup> Mỗi PLO có tối đa 4 nội hàm; mỗi nội hàm được đo bằng một PI.

<sup>3</sup> Theo thang đo năng lực.

| Ký hiệu<br>CDR<br>(PLOs) | Ký hiệu<br>CSDG<br>(PIs) | DỰ THẢO PLO/PI                                                                                                                | Mức độ<br>đạt được<br>3 | GHI CHÚ |
|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|
| PLO2                     |                          | Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.                                                | 4                       |         |
|                          | PI 2.1                   | Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.           | 4                       |         |
|                          | PI 2.2                   | Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề                                            | 4                       |         |
| PLO3                     |                          | Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.         | 4                       |         |
|                          | PI 3.1                   | Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.        | 4                       |         |
|                          | PI 3.2                   | Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.                        | 4                       |         |
| PLO4                     |                          | Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời. | 4                       |         |
|                          | PI 4.1                   | Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.                                      | 4                       |         |
|                          | PI 4.2                   | Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.                   | 4                       |         |
| PLO5                     |                          | Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên                                                          | 4                       |         |

| Ký hiệu<br>CDR<br>(PLOs) | Ký hiệu<br>CSDG<br>(PIIn) | DỰ THẢO PLO/PI                                                                                         | Mức độ<br>đạt được<br>3 | GHI CHÚ |
|--------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|
|                          |                           | nghiep và trách nhiệm xã hội, cộng đồng                                                                |                         |         |
|                          | PI 5.1                    | Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.                       | 4                       |         |
|                          | PI 5.2                    | Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp. | 4                       |         |
|                          | PI 5.3                    | Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.                        | 4                       |         |
| PLO6                     |                           | Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn   | 4                       |         |
|                          | PI 6.1                    | Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn                 | 4                       |         |
|                          | PI 6.2                    | Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn               | 4                       |         |
| PLO7                     |                           | Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành                              | 4                       |         |
|                          | PI 7.1                    | Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành                                            | 4                       |         |
|                          | PI 7.2                    | Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành                                              | 4                       |         |
| PLO8                     |                           | Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.                | 4                       |         |

| Ký hiệu<br>CDR<br>(PLOs) | Ký hiệu<br>CSDG<br>(PIs) | DỰ THẢO PLO/PI                                                                                                                                                                                                                       | Mức độ<br>đạt được <sup>3</sup> | GHI CHÚ |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
|                          | <i>PI 08.1</i>           | Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.                                                                                                                                                    | 4                               |         |
|                          | <i>PI 08.2</i>           | Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.                                                                                                                                | 4                               |         |
| PLO9                     |                          | Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)<br><br>Đối với Chương trình CLC (TABP):<br>Chuẩn bậc 4/6 | 4                               |         |
| PL10                     |                          | Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.                                                                                                                           | 4                               |         |
|                          | <i>PI 10.1</i>           | Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp.                                                                                                                                                            | 3                               |         |
|                          | <i>PI 10.2</i>           | Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.                                                                                                                               | 4                               |         |
| PLO11                    |                          | Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế                                                                                                                                                    | 5                               |         |
|                          | <i>PI 11.1</i>           | Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế                                                                                                                                                   | 5                               |         |
|                          | <i>PI 11.2</i>           | Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế                                                                                                                                                                       | 5                               |         |

### 3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs):

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

| Mục tiêu của CTĐT (POi)                             |                                                                                                                                                                                                               | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)    |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
|                                                     |                                                                                                                                                                                                               | (Đánh dấu X vào ô có liên quan) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|                                                     |                                                                                                                                                                                                               | 1                               | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| <b>Mục tiêu chung:</b>                              |                                                                                                                                                                                                               |                                 |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <i>[Xây dựng theo từng ngành, ghi theo mục 1.1]</i> |                                                                                                                                                                                                               |                                 |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>Mục tiêu cụ thể:</b>                             |                                                                                                                                                                                                               |                                 |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>PO1</b>                                          | Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo | X                               |   |   |   |   | X | X |   |   |    | X  |
| <b>PO2</b>                                          | Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế                                    |                                 |   |   | X | X |   |   |   |   |    |    |
| <b>PO3</b>                                          | Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp                                                                      |                                 | X | X |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>PO4</b>                                          | Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và                                                                                                                                                               |                                 |   |   |   |   |   |   |   | X | X  |    |

| Mục tiêu của CTĐT (POi) |                                                                                                                                     | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)<br>(Đánh dấu X vào ô có liên quan) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
|                         |                                                                                                                                     | 1                                                               | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
|                         | công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập                                                       |                                                                 |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>PO5</b>              | Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế |                                                                 |   |   |   |   | X | X | X |   |    | X  |

**Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.<sup>4</sup>**

| PO                                                                                                                                                                                                                        | PLO                                                                                                                                                                      | PI                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>PO1:</b> Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo | <b>PLO1</b> Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp. | <b>PI 1.1</b> Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp                                    |
|                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                          | <b>PI 1.2</b> Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp |
|                                                                                                                                                                                                                           | <b>PLO6</b> Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn                                                         | <b>PI 6.1</b> Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                          | <b>PI 6.2</b> Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức                                                                                                                  |

<sup>4</sup> Đối sánh để quan sát tính phù hợp với mỗi mục tiêu cụ thể (PO) được thể hiện thông qua CĐR CTĐT (PLO) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI)

| <b>PO</b>                                                                                                                                                                              | <b>PLO</b>                                                                                                                                | <b>PI</b>                                                                                                                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                           | chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn                                                                           |
|                                                                                                                                                                                        | <b>PLO7</b> Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành                                                     | <b>PI 7.1</b> Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành                                                |
|                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                           | <b>PI 7.2</b> Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành                                                  |
|                                                                                                                                                                                        | <b>PLO11.</b> Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế                                           | <b>PI 11.1</b> Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế                        |
|                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                           | <b>PI 11.2</b> Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế                                            |
| <b>PO2:</b> Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế | <b>PLO4.</b> Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời | <b>PI 4.1</b> Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập                    |
|                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                           | <b>PI 4.2</b> Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời |
|                                                                                                                                                                                        | <b>PLO5.</b> Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng                 | <b>PI 5.1</b> Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp                            |
|                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                           | <b>PI 5.2</b> Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp      |
|                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                           | <b>PI 5.3</b> Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội,                                                                   |

| <b>PO</b>                                                                                                                                            | <b>PLO</b>                                                                                                                                                                                                                                    | <b>PI</b>                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                               | cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp                                                                                                |
| <b>PO3:</b> Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp | <b>PLO2</b> Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.                                                                                                                                                    | <b>PI 2.1</b> Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện     |
|                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                               | <b>PI 2.2</b> Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề                                     |
|                                                                                                                                                      | <b>PLO3</b> Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.                                                                                                             | <b>PI 3.1.</b> Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm |
|                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                               | <b>PI 3.2</b> Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế                  |
| <b>PO4:</b> Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập.           | <b>PLO9</b> Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)<br><br>Đối với Chương trình CLC (TABP): Chuẩn bậc 4/6 |                                                                                                                                      |
|                                                                                                                                                      | <b>PLO10</b> Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong                                                                                                                                                         | <b>PI 10.1</b> Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp                                              |

| <b>PO</b>                                                                                                                                        | <b>PLO</b>                                                                                                       | <b>PI</b>                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                  | lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp                                                                                 | <b>PI 10.2</b> Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp |
| <b>PO5.</b> Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. | <b>PLO6</b> Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn | <b>PI 6.1</b> Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn                 |
|                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | <b>PI 6.2</b> Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn               |
|                                                                                                                                                  | <b>PLO7</b> Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành                            | <b>PI 7.1.</b> Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành                                           |
|                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | <b>PI 7.2.</b> Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành                                             |
|                                                                                                                                                  | <b>PLO8</b> Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp               | <b>PI 8.1.</b> Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.                     |
|                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | <b>PI 8.2.</b> Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp  |
|                                                                                                                                                  | <b>PLO11.</b> Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.                 | <b>PI 11.1</b> Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế                    |

| PO | PLO | PI                                                                             |
|----|-----|--------------------------------------------------------------------------------|
|    |     | <b>PI 11.2</b> Đề xuất các ứng dụng tiên bộ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. |

**4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam:**

| Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học |                                                                                                   | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)<br>(Đánh dấu X vào ô có liên quan) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
|                                                                |                                                                                                   | 1                                                               | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| <b>Kiến thức:</b>                                              |                                                                                                   |                                                                 |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>KT1</b>                                                     | Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.       | X                                                               |   |   |   |   |   |   |   |   |    | X  |
| <b>KT2</b>                                                     | Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật                              | X                                                               |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>KT3</b>                                                     | Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.                                       |                                                                 |   |   |   |   |   |   |   |   | X  |    |
| <b>KT4</b>                                                     | Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. |                                                                 |   |   |   |   | X | X | X |   |    | X  |
| <b>KT5</b>                                                     | Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.                                      | X                                                               |   |   |   |   | X | X |   |   |    | X  |
| <b>Kỹ năng:</b>                                                |                                                                                                   |                                                                 |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>KN1</b>                                                     | Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.                                       |                                                                 | X | X |   |   |   |   |   |   |    | X  |

| <b>Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học</b> |                                                                                                                                                                           | <b>Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)</b><br><i>(Đánh dấu X vào ô có liên quan)</i> |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
|                                                                       |                                                                                                                                                                           | 1                                                                             | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| <b>KN2</b>                                                            | Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.                                                                                                    |                                                                               |   | X |   | X |   |   |   |   |    |    |
| <b>KN3</b>                                                            | Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.                                                    |                                                                               | X |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>KN4</b>                                                            | Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.                                                              |                                                                               |   | X | X |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>KN5</b>                                                            | Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. |                                                                               |   | X |   |   |   | X | X |   |    |    |
| <b>KN6</b>                                                            | Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.                                                                                                      |                                                                               |   |   |   |   |   |   |   | X |    |    |
| <b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm:</b>                                  |                                                                                                                                                                           |                                                                               |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>TCTN1</b>                                                          | Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.                                         |                                                                               |   | X | X |   |   |   |   |   |    |    |

| Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học |                                                                                               | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)<br>(Đánh dấu X vào ô có liên quan) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
|                                                                |                                                                                               | 1                                                               | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| TCTN2                                                          | Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.                             |                                                                 |   | X |   |   | X | X | X |   |    | X  |
| TCTN3                                                          | Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.            |                                                                 |   |   | X |   | X | X | X |   |    | X  |
| TCTN4                                                          | Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. |                                                                 |   |   | X |   | X | X | X |   |    | X  |

### 5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Người học tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế trình độ đại học có thể làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân và khu vực Nhà nước, đảm nhiệm các vị trí nhân viên, chuyên viên nghiệp vụ, cụ thể như sau:

#### Khu vực doanh nghiệp

- Nhân viên, chuyên viên kinh doanh xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ; đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Nhân viên, chuyên viên vận hành kinh doanh quốc tế, logistics, quản lý chuỗi cung ứng, marketing quốc tế, bán hàng tại các công ty đa quốc gia và doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.
- Nhân viên logistics, giao nhận, vận tải quốc tế tại các công ty logistics, doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, hãng tàu, hãng vận tải biển và hàng không.
- Nhân viên thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tài chính.
- Nhân viên bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm xuất khẩu tại các doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp xuất nhập khẩu.
- Nhân viên nghiên cứu thị trường, phát triển thị trường quốc tế, hỗ trợ hoạch định và triển khai chiến lược kinh doanh tại các doanh nghiệp.

## **Khu vực Nhà nước và các tổ chức hỗ trợ kinh doanh**

Người học có thể đảm nhiệm các vị trí cán sự, nhân viên, chuyên viên nghiệp vụ tại các cơ quan và tổ chức sau:

- Chuyên viên tại các Sở, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố, bao gồm:
  - Sở Công Thương (lĩnh vực quản lý xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế);
  - Sở Kế hoạch và Đầu tư / Sở Tài chính (theo mô hình tổ chức tại từng địa phương), trong các bộ phận liên quan đến đầu tư và hợp tác quốc tế;
  - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế.
- Cán bộ nghiệp vụ tại cơ quan Hải quan, Cảng vụ, các đơn vị quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, logistics và thương mại quốc tế.
- Nhân viên, chuyên viên tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các trung tâm xúc tiến thương mại – đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế.
- Nhân viên nghiệp vụ tại các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ, các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, phù hợp với trình độ đào tạo đại học.

## **6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

Người học có khả năng tự học, học tập suốt đời, thích ứng với môi trường kinh doanh toàn cầu và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Có thể học bổ sung kiến thức để được cấp văn bằng cử nhân thứ hai ở các ngành gần như Quản trị kinh doanh, Kinh tế quốc tế, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Có khả năng liên thông, chuyển tiếp với các chương trình đào tạo đại học tương đương trong nước và quốc tế.

Có đủ nền tảng để học tiếp trình độ sau đại học (thạc sĩ) trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực Kinh doanh quốc tế và các ngành liên quan.

## **7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:**

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 tín chỉ, cộng với học phần Giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (08 tín chỉ), cộng với học phần Tiếng Anh tăng cường (28 tín chỉ) và Kỹ năng mềm (8 tín chỉ). Các học phần trong CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (online) đảm bảo số tín chỉ giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% tổng số lượng tín chỉ.

Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh, tiếng Anh tăng cường, Kỹ năng mềm được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **8. Đối tượng tuyển sinh:**

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

## **10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:**

### **10.1. Các trường đại học ở nước ngoài**

- Chương trình Cử nhân Kinh doanh quốc tế – Florida International University (FIU), College of Business

### **10.2. Các trường đại học ở Việt Nam**

- Chương trình cử nhân Kinh doanh quốc tế – Học viện Ngoại giao.
- Chương trình cử nhân Kinh doanh quốc tế – Trường Đại học Ngoại thương.
- Chương trình cử nhân Kinh doanh quốc tế – Trường Đại học Thương mại

## **11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập <sup>5</sup>**

### **11.1. Phương pháp giảng dạy**

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT **ngành Kinh doanh quốc tế**, các chiến lược và phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

*Phương pháp Thuyết giảng (Lecture):* Giảng viên trình bày tài liệu và giải đáp các thắc mắc của học viên.

*Phương pháp Bài giảng tương tác (Interactive lecture):* Thuyết giảng trong đó có quãng thời gian nghỉ khoảng từ hai đến mười lăm phút để cho sinh viên thực hiện các hoạt động học tập (chẳng hạn như: trả lời các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, giải quyết vấn đề, bài tập so khớp và điền vào chỗ trống trong tập ghi chú bài giảng, vấn đáp

---

<sup>5</sup> Mô tả các phương pháp giảng dạy tham khảo theo tài liệu hướng dẫn

về một trường hợp điển hình nhỏ, bài tập chia sẻ suy nghĩ theo cặp hoặc thảo luận nhóm nhỏ) cứ sau 12 đến 20 phút.

*Phương pháp Thảo luận có định hướng (Directed discussion):* Thảo luận trong lớp theo một bộ câu hỏi ít nhiều có tính trật tự mà giảng viên đặt ra để dẫn dắt học sinh đến những nhận thức hoặc kết luận nhất định hoặc để giúp họ đạt được một kết quả học tập cụ thể.

*Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày) (Writing and speaking exercises):* các bài tập, hoạt động học tập (thường thực hiện trong lớp và không chấm điểm), nhằm giúp người học khai thác học liệu, nắm vững kiến thức và chuẩn bị tốt cho bài tập có đánh giá điểm.

*Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm (Group work/learning):* người học thực hiện hoạt động học tập hoặc tạo ra một sản phẩm theo nhóm nhỏ từ hai đến sáu người trong hoặc ngoài lớp học, dưới sự hướng dẫn cẩn thận của giảng viên.

*Giảng dạy bằng tình huống điển hình (Case method):* Người học áp dụng kiến thức của học phần để đề ra giải pháp hoặc cách thức giải quyết các vấn đề, tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế; tổ chức học tập bằng hoạt động cá nhân, nhóm nhỏ hoặc cả lớp.

*Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề (Problem-based learning):* Các nhóm người học tiến hành nghiên cứu bên ngoài lớp học về các vấn đề chưa biết, do người học phát hiện nhằm xác định giải pháp hoặc cách giải quyết cho các vấn đề mơ hồ hoặc tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế.

*Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án (Project-based learning):* người học (với tư cách cá nhân hoặc theo nhóm) áp dụng kiến thức khóa học để tạo ra một kết quả học tập, ví dụ: một báo cáo (viết hoặc nói), bản thiết kế quy trình hoặc sản phẩm, đề cương nghiên cứu hoặc mã máy tính; thường kết hợp với học tập hợp tác.

*Giảng dạy vừa đúng lúc (Just-in-time teaching):* là phương pháp giảng dạy trong đó giảng viên thực hiện điều chỉnh “vừa đúng lúc” các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học. Đầu tiên, người học hoàn thành các bài tập được giao (có thể bao gồm cả việc nghiên cứu các học liệu chưa được giảng trên lớp) và nộp bài thông qua phần mềm quản lý lớp học hoặc điền vào mẫu trên Web, gửi email, tin nhắn trên Facebook... đến giảng viên theo thời gian định trước (thường khoảng một vài giờ trước khi lên lớp). Sau khi người học nộp bài, giảng viên sẽ kiểm tra phản hồi của người học nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém, những nhận thức sai lầm của người học cũng như những kiến thức mà người học có thể tự học; giảng viên sử dụng các câu trả lời đó để tổ chức buổi học sắp tới.

Các phương pháp giảng dạy nói trên hướng đến việc giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT cụ thể như sau:

| Phương pháp giảng dạy |                                                            | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)    |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|-----------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
|                       |                                                            | (Đánh dấu X vào ô có liên quan) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|                       |                                                            | 1                               | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1                     | Phương pháp Thuyết giảng                                   | X                               |   |   |   |   |   |   |   |   |    | X  |
| 2                     | Phương pháp Bài giảng tương tác                            | X                               |   |   |   |   |   |   |   |   |    | X  |
| 3                     | Phương pháp Thảo luận có định hướng                        |                                 | X |   |   | X | X |   |   | X |    | X  |
| 4                     | Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày)                 | X                               |   |   |   |   | X | X |   | X | X  |    |
| 5                     | Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm |                                 |   | X |   |   | X |   |   |   |    | X  |
| 6                     | Giảng dạy bằng tình huống điển hình                        |                                 | X |   |   |   | X | X | X |   |    | X  |
| 7                     | Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề      |                                 | X |   | X |   | X | X | X |   | X  | X  |
| 8                     | Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án                      |                                 |   |   |   | X | X | X |   | X | X  | X  |
| 9                     | Giảng dạy vừa đúng lúc                                     |                                 | X | X |   |   |   |   | X |   |    |    |

## 11.2. Đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

## 12. Kết cấu và nội dung chương trình

### 12.1. Kết cấu chương trình đào tạo

| TT  | Khối kiến thức         | Số học phần |          |       | Số tín chỉ |          |       | Tỷ lệ |
|-----|------------------------|-------------|----------|-------|------------|----------|-------|-------|
|     |                        | Bắt buộc    | Tự chọn  |       | Bắt buộc   | Tự chọn  |       |       |
|     |                        |             | Bắt buộc | Tự do |            | Bắt buộc | Tự do |       |
| 1   | Giáo dục đại cương     | 10          | 0        |       | 22         | 0        |       | 17.6% |
| 2   | Giáo dục chuyên nghiệp |             |          |       |            |          |       |       |
| 2.1 | Cơ sở ngành            | 14          | 3        |       | 40         | 9        |       | 39.2% |
| 2.2 | Ngành                  | 7           | 2        |       | 21         | 6        |       | 21.6% |
| 2.3 | Chuyên ngành           | 5           | 2        |       | 12         | 15       |       | 21.6% |
|     | Tổng cộng              | 36          | 7        |       | 95         | 30       |       | 100%  |

| TT | Khối kiến thức giáo dục đại cương khác | Số tín chỉ |
|----|----------------------------------------|------------|
| 1  | Giáo dục thể chất                      | 5          |
| 2  | Giáo dục Quốc phòng an ninh            | 8          |
|    | <b>Tổng cộng</b>                       | <b>13</b>  |

| TT | Tiếng Anh tăng cường và Kỹ năng mềm | Số tín chỉ |
|----|-------------------------------------|------------|
| 1  | Tiếng Anh tăng cường                | 28         |
| 2  | Kỹ năng mềm                         | 8          |
|    | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>36</b>  |

## 12.2. Khung chương trình đào tạo

| TT | Mã học phần                       | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)            | Số tín chỉ | Phân bổ thời lượng tín chỉ |           |      | Học kỳ phân bổ | Mã học phần trước |
|----|-----------------------------------|---------------------------------------------------|------------|----------------------------|-----------|------|----------------|-------------------|
|    |                                   |                                                   |            | Lý thuyết                  | Thực hành | Khác |                |                   |
|    | KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG |                                                   |            |                            |           |      |                |                   |
|    |                                   | Học phần bắt buộc                                 |            |                            |           |      |                |                   |
| 1  | MLM306                            | Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy | 3          | 3                          | 0         | 0    | 1              | Không             |

| TT                                           | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                                  | Số tín chỉ | Phân bổ thời lượng tín chỉ |           |      | Học kỳ phân bổ | Mã học phần trước     |
|----------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------|-----------|------|----------------|-----------------------|
|                                              |             |                                                                                         |            | Lý thuyết                  | Thực hành | Khác |                |                       |
| 2                                            | MLM307      | Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>       | 2          | 2                          | 0         | 0    | 2              | Triết học Mác - Lênin |
| 3                                            | MLM308      | Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>                                  | 2          | 2                          | 0         | 0    | 3              | Triết học Mác - Lênin |
| 4                                            | MLM309      | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>            | 2          | 2                          | 0         | 0    | 2              | Triết học Mác - Lênin |
| 5                                            | MLM303      | Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>                                  | 2          | 2                          | 0         | 0    | 4              | Triết học Mác - Lênin |
| 6                                            | AMA303      | Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>                  | 3          | 3                          | 0         | 0    | 2              | Không                 |
| 7                                            | LAW798      | Pháp luật và thể chế/ <i>Law and Institution</i>                                        | 2          | 2                          | 0         | 0    | 3              | Không                 |
| 8                                            | MAE701      | Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics 1</i>                                       | 2          | 2                          | 0         | 0    | 2              | Không                 |
| 9                                            | MAE702      | Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>                                       | 2          | 2                          | 0         | 0    | 4              | Toán kinh tế 1        |
| 10                                           | FIN730      | Phát triển bền vững và tài chính xanh/ <i>Sustainable development and green finance</i> | 2          | 2                          | 0         | 0    | 2              | Không                 |
| <b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b> |             |                                                                                         |            |                            |           |      |                |                       |
| <b>Học phần khối kiến thức cơ sở ngành</b>   |             |                                                                                         |            |                            |           |      |                |                       |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                     |             |                                                                                         |            |                            |           |      |                |                       |
| 1                                            | MES302      | Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>                                                | 3          | 3                          | 0         | 0    | 1              | Không                 |

| TT | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                          | Số tín chỉ | Phân bổ thời lượng tín chỉ |           |      | Học kỳ phân bổ | Mã học phần trước                                                                     |
|----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------|-----------|------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|    |             |                                                                                 |            | Lý thuyết                  | Thực hành | Khác |                |                                                                                       |
| 2  | MES303      | Kinh tế học vĩ mô/<br><i>Macroeconomics</i>                                     | 3          | 3                          | 0         | 0    | 1              | Không                                                                                 |
| 3  | ACC301      | Nguyên lý kế toán /<br><i>Principles of Accounting</i>                          | 3          | 3                          | 0         | 0    | 1              | Không                                                                                 |
| 4  | ITS723      | Logic ứng dụng trong kinh doanh/<br><i>Applied Logic in Business</i>            | 2          | 2                          | 0         | 0    | 1              | Không                                                                                 |
| 5  | MAG322      | Quản trị học/<br><i>Fundamentals of Management</i>                              | 3          | 3                          | 0         | 0    | 2              | Không                                                                                 |
| 6  | BAF736      | Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/<br><i>Money, Banking and Fintech</i> | 3          | 3                          | 0         | 0    | 2              | Không                                                                                 |
| 7  | FIN303      | Tài chính doanh nghiệp/<br><i>Corporate Finance</i>                             | 3          | 3                          | 0         | 0    | 3              | Nguyên lý kế toán                                                                     |
| 8  | INE704      | Phương pháp nghiên cứu khoa học/<br><i>Scientific Research Methodology</i>      | 3          | 3                          | 0         | 0    | 3              | Không                                                                                 |
| 9  | ITS772      | Phát triển năng lực số/<br><i>Digital Capabilities Development</i>              | 3          | 3                          | 0         | 0    | 3              | Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao, Chứng nhận ứng dụng trí tuệ nhân tạo |
| 10 | ENP759      | Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/<br><i>English for</i>                | 3          | 3                          | 0         | 0    | 3              | Tiếng Anh chuyên                                                                      |

| TT  | Mã học phần                          | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                                                                           | Số tín chỉ | Phân bổ thời lượng tín chỉ |           |      | Học kỳ phân bổ | Mã học phần trước  |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------|-----------|------|----------------|--------------------|
|     |                                      |                                                                                                                                  |            | Lý thuyết                  | Thực hành | Khác |                |                    |
|     |                                      | <i>International Business</i>                                                                                                    |            |                            |           |      |                | ngành 1            |
| 11  | DIM706                               | Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>                                                                                           | 3          | 3                          | 0         | 0    | 4              | Không              |
| 12  | INB718                               | Lịch sử kinh doanh/ <i>Business History</i>                                                                                      | 2          | 2                          | 0         | 0    | 1              | Không              |
| 13  | INB717                               | Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ <i>Principles of Business Strategy</i>                                                          | 3          | 3                          | 0         | 0    | 4              | Không              |
| 14  | ITS754                               | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý/ <i>Applications of Artificial Intelligence in Business and Management</i> | 3          | 3                          | 0         | 0    | 5              | Quản trị học       |
|     |                                      | <b>Học phần tự chọn</b><br>(Sinh viên chọn 3 trong 4 học phần sau)                                                               |            |                            |           |      |                |                    |
| 15a | INE302                               | Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>                                                                              | 3          | 3                          | 0         | 0    | 4              | Không              |
| 15b | INB722                               | Địa chính trị/ <i>Geopolitics</i>                                                                                                | 3          | 3                          | 0         | 0    | 4              | Kinh tế vĩ mô      |
| 15c | MAG318                               | Đàm phán kinh doanh quốc tế/ <i>International business negotiation</i>                                                           | 3          | 3                          | 0         | 0    | 5              | Không              |
| 15d | INE311                               | Đầu tư quốc tế/ <i>International Investment</i>                                                                                  | 3          | 3                          | 0         | 0    | 5              | Không              |
|     | <b>Học phần khối kiến thức ngành</b> |                                                                                                                                  |            |                            |           |      |                |                    |
|     |                                      | <b>Học phần bắt buộc</b>                                                                                                         |            |                            |           |      |                |                    |
| 1   | INE716                               | International Business/ <i>Kinh doanh quốc tế</i>                                                                                | 3          | 3                          | 0         | 0    | 4              | Kinh tế vi mô      |
| 2   | INE719                               | International Trade Transaction/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế</i>                                                             | 3          | 3                          | 0         | 0    | 5              | Kinh doanh quốc tế |

| TT | Mã học phần                                 | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                                          | Số tín chỉ | Phân bổ thời lượng tín chỉ |           |      | Học kỳ phân bổ | Mã học phần trước                   |
|----|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------|-----------|------|----------------|-------------------------------------|
|    |                                             |                                                                                                 |            | Lý thuyết                  | Thực hành | Khác |                |                                     |
| 3  | INB732                                      | Digital Business Models/ <i>Các mô hình kinh doanh số</i>                                       | 3          | 3                          | 0         | 0    | 5              | Không                               |
| 4  | INB731                                      | Business data analytics/ <i>Phân tích dữ liệu kinh doanh</i>                                    | 3          | 3                          | 0         | 0    | 7              | Không                               |
| 5  | INE708                                      | International Finance/ <i>Tài chính quốc tế</i>                                                 | 3          | 3                          | 0         | 0    | 6              | Không                               |
| 6  | INB737                                      | Market research/ <i>Nghiên cứu thị trường</i>                                                   | 3          | 3                          | 0         | 0    | 6              | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |
| 7  | INB733                                      | Distribution Channels/ <i>Kênh phân phối</i>                                                    | 3          | 3                          | 0         | 0    | 6              | Không                               |
|    |                                             | <b>Học phần tự chọn</b><br>(Sinh viên chọn 2 trong 3 học phần sau)                              |            |                            |           |      |                |                                     |
| 8a | INB734                                      | International Consumer Behavior/ <i>Hành vi người tiêu dùng quốc tế</i>                         | 3          | 3                          | 0         | 0    | 6              | Không                               |
| 8b | INB739                                      | Service Marketing/ <i>Marketing dịch vụ</i>                                                     | 3          | 3                          | 0         | 0    | 6              | Không                               |
| 8c | INE726                                      | Trade Policy in Practice/ <i>Chính sách thương mại quốc tế</i>                                  | 3          | 3                          | 0         | 0    | 6              | Không                               |
|    | <b>Học phần khối kiến thức chuyên ngành</b> |                                                                                                 |            |                            |           |      |                |                                     |
|    |                                             | <b>Học phần bắt buộc</b>                                                                        |            |                            |           |      |                |                                     |
| 1  | INE717                                      | International Logistics/ <i>Logistics quốc tế</i>                                               | 3          | 3                          | 0         | 0    | 7              | Không                               |
| 2  | INE720                                      | International cargo transportation and insurance/ <i>Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương</i> | 3          | 3                          | 0         | 0    | 7              | Giao dịch thương mại quốc tế        |

| TT                                          | Mã học phần    | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                               | Số tín chỉ | Phân bổ thời lượng tín chỉ |           |      | Học kỳ phân bổ | Mã học phần trước  |
|---------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------|-----------|------|----------------|--------------------|
|                                             |                |                                                                                      |            | Lý thuyết                  | Thực hành | Khác |                |                    |
| 3                                           | INE715         | International Business Strategy/ <i>Chiến lược kinh doanh quốc tế</i>                | 3          | 3                          | 0         | 0    | 8              | Kinh doanh quốc tế |
|                                             | Liên ngành     | <b>Học phần tự chọn</b><br>( <i>Sinh viên chọn 1 trong 2 hướng</i> )                 |            |                            |           |      |                |                    |
|                                             | <b>Hướng 1</b> | <b>Khởi nghiệp</b>                                                                   |            |                            |           |      |                |                    |
| 4A                                          | DIM743         | Entrepreneurship in the Digital Age/ <i>Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số</i> | 3          | 3                          | 0         | 0    | 7              | Quản trị học       |
| 5A                                          | INB738         | Multicultural Management/ <i>Quản lý đa văn hóa</i>                                  | 3          | 3                          | 0         | 0    | 7              | Không              |
|                                             | <b>Hướng 2</b> | <b>Quản trị kinh doanh quốc tế</b>                                                   |            |                            |           |      |                |                    |
| 4B                                          | INB736         | International Project Management/ <i>Quản trị dự án quốc tế</i>                      | 3          | 3                          | 0         | 0    | 7              | Không              |
| 5B                                          | INB735         | International human resource management/ <i>Quản trị nguồn nhân lực quốc tế</i>      | 3          | 3                          | 0         | 0    | 7              | Không              |
| 6                                           | INT713         | Internship in International Business/ <i>Thực tập cuối khóa ngành KDQT</i>           | 3          | 0                          | 0         | 3    | 8              | Theo quy định      |
| 7                                           | REP713         | Dissertation in International Business/ <i>Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT</i>       | 9          | 0                          | 0         | 9    | 8              | Theo quy định      |
| <b>Tổng số tín của chương trình đào tạo</b> |                |                                                                                      | <b>125</b> |                            |           |      |                |                    |
| Tổng số tín chỉ bắt buộc                    |                |                                                                                      | <b>95</b>  |                            |           |      |                |                    |
| Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu           |                |                                                                                      | <b>30</b>  |                            |           |      |                |                    |

### 13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ:

| Học kỳ   | TT                               | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                               | Số tín chỉ | Mã học phần trước     | Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|----------|----------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------|----------------------------|--------------------|
| <b>1</b> | 1                                | MLM306      | Triết học Mác – Lênin/<br><i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>                  | 3          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 2                                | MAE701      | Toán kinh tế 1/<br><i>Mathematic for Economics 1</i>                                 | 2          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 3                                | LAW798      | Pháp luật và thể chế/<br><i>Law and Institution</i>                                  | 2          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 4                                | MAG322      | Quản trị học/<br><i>Fundamentals of Management</i>                                   | 3          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 5                                | ACC301      | Nguyên lý kế toán/<br><i>Principles of Accounting</i>                                | 3          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 6                                | MES302      | Kinh tế học vi mô/<br><i>Microeconomics</i>                                          | 3          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |
|          |                                  |             | Học phần giáo dục thể chất 1                                                         | 1          |                       | BB                         | Tiếng Việt         |
|          |                                  |             | Anh văn tăng cường 1                                                                 | 4          |                       | Tăng cường                 | Tiếng Anh          |
|          |                                  |             | Kỹ năng mềm 1                                                                        | 2          |                       | Tăng cường                 | Tiếng Việt         |
|          | <b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b> |             |                                                                                      | <b>16</b>  |                       |                            |                    |
| <b>2</b> | 1                                | MLM307      | Kinh tế chính trị Mác - Lênin/<br><i>Political Economics of Marxism and Leninism</i> | 2          | Triết học Mác - Lênin | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 2                                | AMA303      | Lý thuyết xác suất và thống kê toán/                                                 | 3          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |

| Học kỳ   | TT                               | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                                  | Số tín chỉ | Mã học phần trước     | Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|----------|----------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------|----------------------------|--------------------|
|          |                                  |             | <i>Probability and Statistics</i>                                                       |            |                       |                            |                    |
|          | 3                                | MAE702      | Toán kinh tế 2/<br><i>Mathematic for Economics 2</i>                                    | 2          | Toán kinh tế 1        | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 4                                | MLM309      | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>            | 2          | Triết học Mác - Lênin | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 5                                | MES303      | Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>                                                | 3          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 6                                | ITS723      | Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>                       | 2          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |
|          | 7                                | FIN730      | Phát triển bền vững và tài chính xanh/ <i>Sustainable development and green finance</i> | 2          | Không                 | BB                         | Tiếng Việt         |
|          |                                  |             | Học phần giáo dục thể chất 2                                                            | 1          |                       | BB                         | Tiếng Việt         |
|          |                                  |             | Anh văn tăng cường 2                                                                    | 4          |                       | Tăng cường                 | Tiếng Anh          |
|          |                                  |             | Anh văn tăng cường 3                                                                    | 4          |                       | Tăng cường                 | Tiếng Anh          |
|          | <b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b> |             |                                                                                         | <b>16</b>  |                       |                            |                    |
| <b>3</b> | 1                                | MLM308      | Chủ nghĩa xã hội khoa học/Scientific socialism                                          | 2          | Triết học Mác - Lênin | BB                         | Tiếng Việt         |

| Học kỳ | TT                               | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                       | Số tín chỉ | Mã học phần trước                                                                      | Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|--------|----------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|
|        | 2                                | INE704      | Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>      | 3          | Không                                                                                  | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 3                                | BAF736      | Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i> | 3          | Không                                                                                  | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 4                                | ITS772      | Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>              | 3          | Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao, Chứng nhận ứng dụng trí tuệ nhân tạo. | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 5                                | INB718      | Lịch sử kinh doanh/ <i>Business History</i>                                  | 2          | Không                                                                                  | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 6                                | DIM706      | Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>                                       | 3          | Không                                                                                  | BB                         | Tiếng Việt         |
|        |                                  |             | Học phần giáo dục thể chất 3                                                 | 1          |                                                                                        | BB                         | Tiếng Việt         |
|        |                                  |             | Anh văn tăng cường 4                                                         | 4          |                                                                                        | Tăng cường                 | Tiếng Anh          |
|        |                                  |             | Kỹ năng mềm 2                                                                | 2          |                                                                                        | Tăng cường                 | Tiếng Việt         |
|        | <b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b> |             |                                                                              | <b>16</b>  |                                                                                        |                            |                    |

| Học kỳ | TT                               | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                                                                              | Số tín chỉ | Mã học phần trước        | Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|--------|----------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------|----------------------------|--------------------|
| 4      | 1                                | MLM303      | Tư tưởng Hồ Chí Minh/<br><i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>                                                                           | 2          | Triết học Mác - Lênin    | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 2                                | FIN303      | Tài chính doanh nghiệp/<br><i>Corporate Finance</i>                                                                                 | 3          | Nguyên lý kế toán        | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 3                                | ITS754      | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý/<br><i>Applications of Artificial Intelligence in Business and Management</i> | 3          | Quản trị học             | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 4                                | INB717      | Nguyên lý chiến lược kinh doanh/<br><i>Principles of Business Strategy</i>                                                          | 3          | Không                    | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 5                                | ENP759      | Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/<br><i>English for International Business.</i>                                            | 3          | Tiếng Anh chuyên ngành 1 | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 6                                | INE716      | International Business/<br><i>Kinh doanh quốc tế</i>                                                                                | 3          | Kinh tế vi mô            | BB                         | Tiếng Anh          |
|        |                                  |             | Học phần giáo dục thể chất 4                                                                                                        | 1          |                          | BB                         | Tiếng Việt         |
|        |                                  |             | Anh văn tăng cường 5                                                                                                                | 4          |                          | Tăng cường                 | Tiếng Anh          |
|        |                                  |             | Anh văn tăng cường 6                                                                                                                | 4          |                          | Tăng cường                 | Tiếng Anh          |
|        | <b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b> |             |                                                                                                                                     | <b>17</b>  |                          |                            |                    |

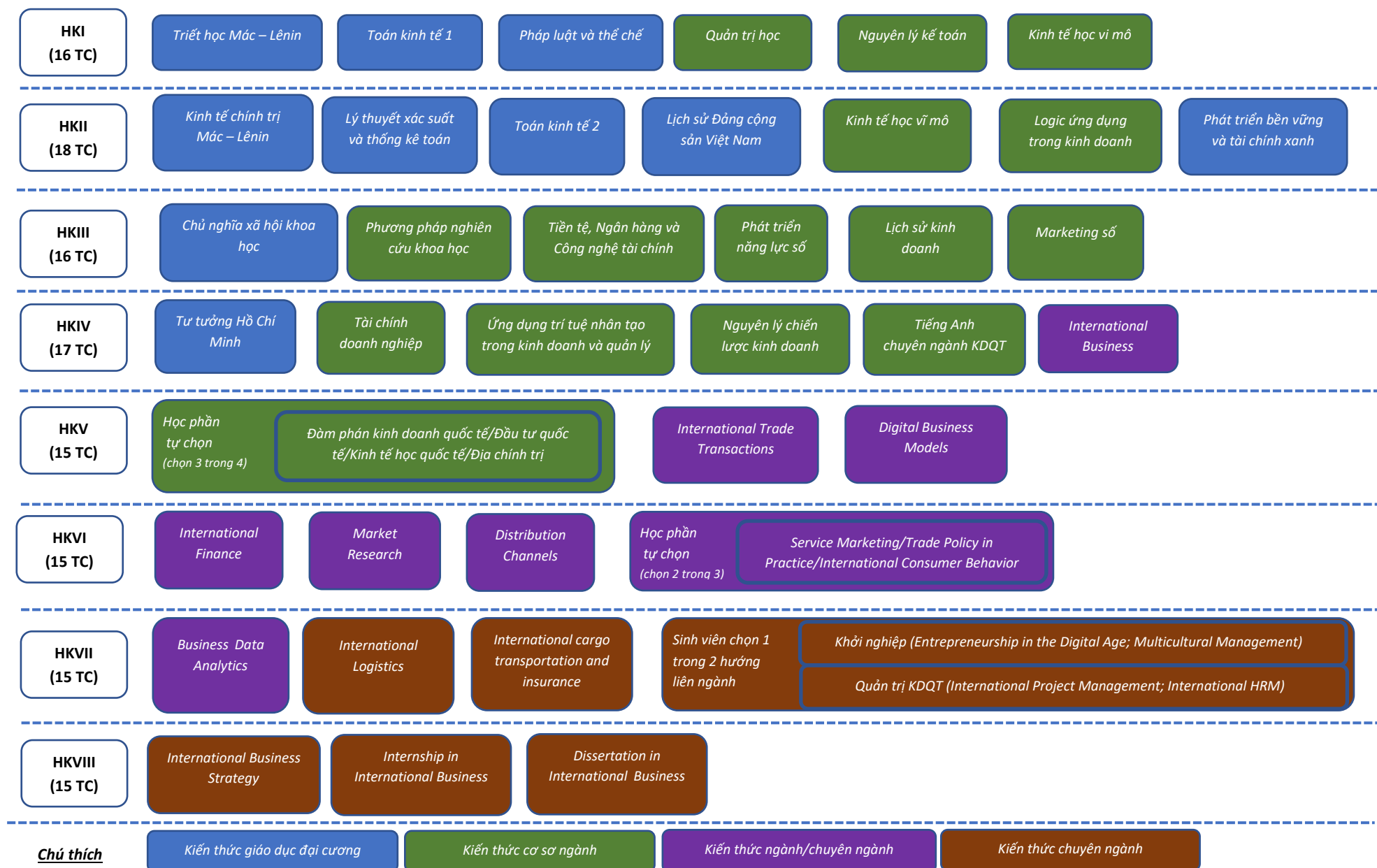
| Học kỳ | TT                               | Mã học phần                                                     | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                 | Số tín chỉ | Mã học phần trước  | Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|--------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------|----------------------------|--------------------|
| 5      | 1                                | INB732                                                          | Digital Business Models/ <i>Các mô hình kinh doanh số</i>              | 3          | Không              | BB                         | Tiếng Anh          |
|        | 2                                | INE719                                                          | International trade transactions/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế</i>  | 3          | Kinh doanh quốc tế | BB                         | Tiếng Anh          |
|        |                                  | <b>Học phần tự chọn</b> (Sinh viên chọn 3 trong 4 học phần sau) |                                                                        |            |                    |                            |                    |
|        | 3-4-5a                           | MAG318                                                          | Đàm phán kinh doanh quốc tế/ <i>International Business Negotiation</i> | 3          | Không              | TC                         | Tiếng Việt         |
|        | 3-4-5b                           | INE311                                                          | Đầu tư quốc tế/ <i>International Investment</i>                        | 3          | Không              | TC                         | Tiếng Việt         |
|        | 3-4-5c                           | INE302                                                          | Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>                    | 3          | Không              | BB                         | Tiếng Việt         |
|        | 3-4-5d                           | INB722                                                          | Địa chính trị/ <i>Geopolitics</i>                                      | 3          | Kinh tế vĩ mô      | BB                         | Tiếng Việt         |
|        |                                  |                                                                 | Học phần giáo dục thể chất 5                                           | 1          |                    | BB                         | Tiếng Việt         |
|        |                                  |                                                                 | Anh văn tăng cường 7                                                   | 4          |                    | Tăng cường                 | Tiếng Anh          |
|        | <b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b> |                                                                 |                                                                        | <b>15</b>  |                    |                            |                    |
| 6      | 1                                | INE708                                                          | International Finance                                                  | 3          | Không              | BB                         | Tiếng Anh          |
|        | 2                                | INB737                                                          | Market research/ <i>Nghiên cứu thị trường</i>                          | 3          | Lý thuyết xác suất | BB                         | Tiếng Anh          |

| Học kỳ   | TT                                                              | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                                          | Số tín chỉ | Mã học phần trước            | Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|----------|-----------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|
|          |                                                                 |             |                                                                                                 |            | và thống kê Toán             |                            |                    |
|          | 3                                                               | INB733      | Distribution Channels/ <i>Kênh phân phối</i>                                                    | 3          | Không                        | BB                         | Tiếng Anh          |
|          | <b>Học phần tự chọn</b> (Sinh viên chọn 2 trong 3 học phần sau) |             |                                                                                                 |            |                              |                            |                    |
|          | 4-5a                                                            | INB734      | International Consumer Behavior/ <i>Hành vi người tiêu dùng quốc tế</i>                         | 3          | Không                        | TC                         | Tiếng Anh          |
|          | 4-5b                                                            | INB739      | Service Marketing/ <i>Marketing dịch vụ</i>                                                     | 3          | Không                        | TC                         | Tiếng Anh          |
|          | 4-5c                                                            | INE726      | Trade Policy in Practice/ <i>Chính sách thương mại quốc tế</i>                                  | 3          | Không                        | TC                         | Tiếng Anh          |
|          |                                                                 |             | Kỹ năng mềm 3                                                                                   | 2          |                              | Tăng cường                 | Tiếng Việt         |
|          | <b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>                                |             |                                                                                                 | <b>15</b>  |                              |                            |                    |
| <b>7</b> | 1                                                               | INB731      | Business data analytics/ <i>Phân tích dữ liệu kinh doanh</i>                                    | 3          | Không                        | BB                         | Tiếng Anh          |
|          | 2                                                               | INE717      | International Logistics/ <i>Logistics quốc tế</i>                                               | 3          | Không                        | BB                         | Tiếng Anh          |
|          | 3                                                               | INE720      | International cargo transportation and insurance/ <i>Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương</i> | 3          | Giao dịch thương mại quốc tế | BB                         | Tiếng Anh          |

| Học kỳ   | TT                                                                         | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)                                               | Số tín chỉ | Mã học phần trước        | Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------|----------------------------|--------------------|
|          |                                                                            |             | Kỹ năng mềm 4                                                                        | 2          |                          | Tăng cường                 | Tiếng Việt         |
|          | <b>Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong số 2 hướng liên ngành sau)</b> |             |                                                                                      |            |                          |                            |                    |
|          | <b>Hướng 1: Khởi nghiệp</b>                                                |             |                                                                                      |            |                          |                            |                    |
|          | 4a                                                                         | DIM743      | Entrepreneurship in the Digital Age/ <i>Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số</i> | 3          | Không                    | TC                         | Tiếng Anh          |
|          | 5a                                                                         | INB738      | Multicultural Management/ <i>Quản lý đa văn hóa</i>                                  | 3          | Không                    | TC                         | Tiếng Anh          |
|          | <b>Hướng 2: Quản trị kinh doanh quốc tế</b>                                |             |                                                                                      |            |                          |                            |                    |
|          | 4b                                                                         | INB736      | International Project Management/ <i>Quản trị dự án quốc tế</i>                      | 3          | Không                    | TC                         | Tiếng Anh          |
|          | 5b                                                                         | INB735      | International human resource management/ <i>Quản trị nguồn nhân lực quốc tế</i>      | 3          | Không                    | TC                         | Tiếng Anh          |
|          | <b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b>                                           |             |                                                                                      | <b>15</b>  |                          |                            |                    |
| <b>8</b> | 1                                                                          | INE715      | International Business Strategy/ <i>Chiến lược kinh doanh quốc tế</i>                | 3          | Kinh doanh quốc tế       | BB                         | Tiếng Anh          |
|          | 2                                                                          | INT713      | Internship in International Business/ <i>Thực tập cuối khóa ngành KDQT</i>           | 3          | Theo quy định của Trường | BB                         | Tiếng Anh          |
|          | 3                                                                          | REP713      | Dissertation in International                                                        | 9          | Các học phần             | BB                         | Tiếng Anh          |

| Học kỳ | TT                               | Mã học phần | Tên học phần<br>(Tiếng Việt/Tiếng Anh)           | Số tín chỉ | Mã học phần trước                                                                                        | Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|--------|----------------------------------|-------------|--------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|
|        |                                  |             | Business/ <i>Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT</i> |            | chuyên ngành Kinh doanh quốc tế. Các học phần về Phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế lượng ứng dụng |                            |                    |
|        | <b>Tổng tín chỉ trong học kỳ</b> |             |                                                  | <b>15</b>  |                                                                                                          |                            |                    |

#### 14. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học):



## 15. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) <sup>6</sup>

### 15.1. Ma trận đóng góp học phần PLO.

| STT               | Chuẩn đầu ra                                                                            |   | PLOs |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
|                   | TÊN HỌC PHẦN                                                                            |   | 1    | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| HỌC KỲ 1          |                                                                                         |   |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| Học phần bắt buộc |                                                                                         |   |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 1                 | Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist philosophy                                       | 2 |      |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   |    |    |
| 2                 | Toán kinh tế 1/ <i>Mathematic for Economics 1</i>                                       | 3 |      |   | 3 |   |   | 3 |   |   |   |    |    |
| 3                 | Pháp luật và thể chế/ <i>Law and Institutions</i>                                       | 3 |      |   | 2 |   | 2 |   |   |   |   |    |    |
| 4                 | Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>                                         | 2 |      |   |   | 3 | 3 |   |   |   |   |    |    |
| 5                 | Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics*</i>                                               | 3 | 3    |   |   | 2 |   |   |   |   |   |    |    |
| 6                 | Nguyên lý kế toán / <i>Principles of Accounting</i>                                     | 3 |      |   | 2 |   |   | 3 |   |   |   |    |    |
| HỌC KỲ 2          |                                                                                         |   |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| Học phần bắt buộc |                                                                                         |   |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 1                 | Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics*</i>                                               | 3 | 3    |   |   | 2 |   |   |   |   |   |    |    |
| 2                 | Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>                       | 2 | 3    |   |   |   |   | 3 |   |   |   |    |    |
| 3                 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>       | 2 |      |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   |    |    |
| 4                 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>                  | 3 |      |   |   |   |   | 3 |   |   |   |    |    |
| 5                 | Toán kinh tế 2/ <i>Mathematic for Economics 2</i>                                       | 3 |      |   | 3 |   |   | 3 |   |   |   |    |    |
| 6                 | Phát triển bền vững và Tài chính xanh/ <i>Sustainable development and green finance</i> | 2 |      |   | 2 |   | 2 |   |   |   |   |    |    |
| 7                 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>            | 2 |      |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   |    |    |
| HỌC KỲ 3          |                                                                                         |   |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| Học phần bắt buộc |                                                                                         |   |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 1                 | Lịch sử kinh doanh/ <i>Business History*</i>                                            |   |      |   |   |   |   | 2 | 3 | 4 |   |    |    |
| 2                 | Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i>            |   |      |   | 2 |   |   | 3 |   | 4 |   |    |    |
| 3                 | Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>                                  | 2 |      |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   |    |    |
| 4                 | Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology*</i>                | 3 | 4    |   |   | 4 |   |   |   |   |   |    |    |

<sup>6</sup> Thực hiện tên Word hoặc theo mẫu Excel sau đó copy đưa vào file này.

| STT                                                             | Chuẩn đầu ra                                                                                                                     | PLOs |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
|                                                                 | TÊN HỌC PHẦN                                                                                                                     | 1    | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 5                                                               | Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>                                                                  |      |   |   |   |   |   | 3 |   |   | 4  |    |
| 6                                                               | Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>                                                                                           |      |   |   |   |   |   | 2 | 3 |   |    | 3  |
| <b>HỌC KỲ 4</b>                                                 |                                                                                                                                  |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                                        |                                                                                                                                  |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 1                                                               | Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/ <i>English for International Business</i>                                             |      | 4 | 4 |   |   |   |   |   | 4 |    |    |
| 2                                                               | Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>                                                                                 |      | 2 |   |   |   | 3 |   |   |   |    |    |
| 3                                                               | Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>                                                                           | 2    |   |   | 2 | 2 |   |   |   |   |    |    |
| 4                                                               | Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ <i>Principles of Business Strategy*</i>                                                         | 3    | 4 |   |   |   |   | 4 |   |   |    |    |
| 5                                                               | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý/ <i>Applications of Artificial Intelligence in Business and Management</i> |      |   |   |   |   |   | 2 | 3 |   | 3  |    |
| 6                                                               | International Business/ <i>Kinh doanh quốc tế*</i>                                                                               |      |   |   |   |   | 4 | 4 | 4 |   |    |    |
| <b>HỌC KỲ 5</b>                                                 |                                                                                                                                  |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                                        |                                                                                                                                  |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 1                                                               | International trade transactions/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế*</i>                                                           |      |   |   |   | 4 | 4 | 4 |   |   |    |    |
| 2                                                               | Digital Business Models/ <i>Các mô hình kinh doanh số*</i>                                                                       |      |   | 4 |   |   | 4 | 4 |   |   |    |    |
| <b>Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 3 trong 4 học phần sau)</b> |                                                                                                                                  |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 3-4-5-6a                                                        | Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics*</i>                                                                             | 3    |   | 4 | 4 |   |   |   |   |   |    |    |
| 3-4-5-6b                                                        | Địa chính trị/ <i>Geopolitics*</i>                                                                                               |      |   |   |   |   | 2 | 3 | 4 |   |    |    |
| 3-4-5-6c                                                        | Đàm phán kinh doanh quốc tế ( <i>International business negotiation</i> )*                                                       |      |   |   |   |   | 4 | 4 | 4 |   |    |    |
| 3-4-5-6d                                                        | Đầu tư quốc tế/ <i>International Investment*</i>                                                                                 |      |   |   |   |   | 4 | 4 |   |   |    | 4  |
| <b>HỌC KỲ 6</b>                                                 |                                                                                                                                  |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                                        |                                                                                                                                  |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 1                                                               | International Finance/ <i>Tài chính quốc tế*</i>                                                                                 |      |   |   |   |   | 4 | 4 | 4 |   |    |    |
| 2                                                               | Market research/ <i>Nghiên cứu thị trường*</i>                                                                                   |      | 4 |   | 4 |   |   |   |   |   |    | 5  |
| 3                                                               | Distribution Channels/ <i>Kênh phân phối*</i>                                                                                    |      |   |   |   |   | 4 | 4 | 4 |   |    |    |
| <b>Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 2 trong 3 học phần sau)</b> |                                                                                                                                  |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 4-5-6a                                                          | International Consumer Behavior/ <i>Hành vi người tiêu dùng quốc tế*</i>                                                         |      |   |   |   |   | 3 | 3 | 3 |   |    |    |
| 4-5-6b                                                          | Service Marketing/ <i>Marketing dịch vụ*</i>                                                                                     |      |   |   |   |   | 3 | 4 | 4 |   |    |    |

| STT                                                                            | Chuẩn đầu ra                                                                             | PLOs |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
|                                                                                | TÊN HỌC PHẦN                                                                             | 1    | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 4-5-6c                                                                         | Trade Policy in Practice/Chính sách thương mại quốc tế*                                  |      |   |   |   |   | 4 | 2 | 4 |   |    |    |
| <b>HỌC KỲ 7</b>                                                                |                                                                                          |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                                                       |                                                                                          |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 1                                                                              | Business data and analytics/Phân tích dữ liệu kinh doanh                                 |      | 4 |   |   |   | 4 | 4 |   |   |    |    |
| 2                                                                              | International Logistics/Logistics quốc tế                                                |      |   |   |   |   | 4 | 4 | 4 |   |    |    |
| 3                                                                              | International Cargo Transportation and Insurance/Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương) |      |   |   | 4 |   | 4 |   | 4 |   |    |    |
| <b>Học phần tự chọn bổ trợ liên ngành</b> (Sinh viên chọn 1 trong 2 hướng sau) |                                                                                          |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>Hướng 1: Khởi nghiệp</b>                                                    |                                                                                          |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 4a                                                                             | Entrepreneurship in the Digital Age/ Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số            |      |   |   |   |   |   | 2 | 2 |   |    | 3  |
| 5a                                                                             | Multicultural Management/Quản lý đa văn hóa                                              |      |   |   |   |   | 4 | 4 | 4 |   |    |    |
| <b>Hướng 2: Quản trị kinh doanh quốc tế</b>                                    |                                                                                          |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 4b                                                                             | International Project Management/Quản trị dự án quốc tế                                  |      |   | 4 |   |   | 4 | 4 |   |   |    |    |
| 5b                                                                             | International human resource management/Quản trị nguồn nhân lực quốc tế                  | 4    |   |   |   |   | 4 | 4 |   |   |    |    |
| <b>HỌC KỲ</b>                                                                  |                                                                                          |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                                                       |                                                                                          |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |
| 1                                                                              | International Business Strategy/Chiến lược kinh doanh quốc tế                            |      |   | 4 |   |   | 4 |   |   |   |    | 5  |
| 2                                                                              | Internship in International Business/Thực tập cuối khóa ngành KDQT                       |      |   |   |   |   |   | 4 | 4 |   |    | 4  |
| 3                                                                              | Dissertation in International Business/Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT                   |      |   |   | 4 |   | 4 | 4 | 4 |   |    | 5  |

|                          |    |   |    |    |   |    |    |    |   |   |   |   |
|--------------------------|----|---|----|----|---|----|----|----|---|---|---|---|
| <b>Mức 1</b>             | 0  | 0 | 0  | 0  | 0 | 0  | 0  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| <b>Mức 2</b>             | 8  | 1 | 4  | 7  | 7 | 2  | 4  | 1  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| <b>Mức 3</b>             | 10 | 3 | 2  | 1  | 1 | 9  | 4  | 3  | 0 | 1 | 2 | 2 |
| <b>Mức 4</b>             | 1  | 5 | 5  | 5  | 1 | 16 | 16 | 14 | 1 | 1 | 2 | 2 |
| <b>Mức 5</b>             | 0  | 0 | 0  | 0  | 0 | 0  | 0  | 0  | 0 | 0 | 3 | 3 |
| <b>Học phần đóng góp</b> | 19 | 9 | 11 | 13 | 9 | 27 | 24 | 18 | 1 | 2 | 7 | 7 |

## 15.2. Ma trận đóng góp học phần PLO.PI

| TT                | Tên học phần (HPi)   |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|-------------------|----------------------|------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                   |                      |      |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                   |                      |      | CLOij                    | PI   | 1.1 | 1.2  | 2.1 | 2.2  | 3.1 | 3.2  | 4.1 | 4.2  | 5.1 | 5.2 | 5.3  | 6.1 | 6.2  | 7.1 | 7.2  | 8.1 |      | 8.2   | 10.1 | 10.2  | 11.1 |
| HỌC KỲ 1          |                      |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc |                      |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 1                 | Triết học Mác-Lênin  | CLO1 |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO2 |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO4 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 2                 | Toán kinh tế 1       | CLO1 |                          | 3    | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO2 |                          | 3    | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO3 |                          | 3    | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO4 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    | 3   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO5 |                          | 3    | 3   |      |     | 3    | 3   |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 3                 | Pháp luật và thể chế | CLO1 |                          | 3    |     |      |     |      |     |      |     | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO2 |                          |      |     |      |     | 2    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO3 |                          |      |     |      |     | 2    |     |      |     | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 4                 | Quản trị học         | CLO1 |                          | 2    |     |      |     |      |     |      | 2   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      | 3   |      | 3   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 5                 | Kinh tế học vi mô    | CLO1 |                          |      | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO2 |                          |      |     | 3    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 6                 | Nguyên lý kế toán    | CLO1 |                          | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO2 |                          |      | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO4 |                          |      |     |      |     | 2    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                      | CLO5 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 3   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| HỌC KỲ 2          |                      |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc |                      |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 7                 | Kinh tế học vĩ mô    | CLO1 |                          |      | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |

| TT                | Tên học phần (HPi)                    |       | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|-------------------|---------------------------------------|-------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                   |                                       |       |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                   |                                       |       | PI                       | 1.1  | 1.2 | 2.1  | 2.2 | 3.1  | 3.2 | 4.1  | 4.2 | 5.1  | 5.2 | 5.3 | 6.1  | 6.2 | 7.1  | 7.2 | 8.1  | 8.2 |      | 10.1  | 10.2 | 11.1  | 11.2 |
|                   |                                       | CLOij |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2  |                          |      |     | 3    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3  |                          |      |     |      |     |      | 2   |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 8                 | Logic ứng dụng trong kinh doanh       | CLO1  |                          |      | 2   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2  |                          |      |     | 3    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3  |                          |      |     |      |     |      | 2   |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 9                 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin         | CLO1  |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2  |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3  |                          |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO4  |                          |      |     |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 10                | Lý thuyết xác suất và thống kê toán   | CLO1  |                          | 2    | 2   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2  |                          | 3    | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      | 3   | 3   |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 11                | Toán kinh tế 2                        | CLO1  |                          | 3    | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2  |                          | 3    | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3  |                          | 3    | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO4  |                          | 3    | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO5  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 3   | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO6  |                          |      |     |      |     | 3    | 3   |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 12                | Phát triển bền vững và tài chính xanh | CLO1  |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2  |                          |      |     |      | 2   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 13                | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam        | CLO1  |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2  |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3  |                          |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO4  |                          |      |     |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| HỌC KỲ 3          |                                       |       |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc |                                       |       |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 14                | Lịch sử kinh doanh                    | CLO1  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 2    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 3    |     |      |     |      |       |      |       |      |

| TT                | Tên học phần (HPi)                        |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|-------------------|-------------------------------------------|------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                   |                                           |      |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                   |                                           |      | CLOij                    | PI   | 1.1 | 1.2  | 2.1 | 2.2  | 3.1 | 3.2  | 4.1 | 4.2  | 5.1 | 5.2 | 5.3  | 6.1 | 6.2  | 7.1 | 7.2  | 8.1 |      | 8.2   | 10.1 | 10.2  | 11.1 |
|                   |                                           | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
| 15                | Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính | CLO1 |                          |      |     |      |     | 2    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 16                | Chủ nghĩa xã hội khoa học                 | CLO1 |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO2 |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO4 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 17                | Phương pháp nghiên cứu khoa học           | CLO1 |                          |      | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO2 |                          |      |     |      | 4   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 18                | Phát triển năng lực số                    | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 3   |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       | 4    |       |      |
|                   |                                           | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 3   |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO4 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      | 3     |      |       |      |
| 19                | Marketing số                              | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 2    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 2   |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 3    |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO4 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      | 3     |      |
|                   |                                           | CLO5 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       | 3    |
| HỌC KỲ 4          |                                           |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc |                                           |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 20                | Tài chính doanh nghiệp                    | CLO1 |                          |      |     |      | 2   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 21                | Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế | CLO1 |                          |      |     | 4    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO2 |                          |      |     |      |     | 4    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      | 4     |      |       |      |
| 22                | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      | CLO1 |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                           | CLO2 |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |

| TT                                                | Tên học phần (HPi)                                            |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|------|
|                                                   |                                                               |      |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |      |
|                                                   |                                                               |      | CLOij                    | PI   | 1.1 | 1.2  | 2.1 | 2.2  | 3.1 | 3.2  | 4.1 | 4.2  | 5.1 | 5.2 | 5.3  | 6.1 | 6.2  | 7.1 | 7.2  | 8.1 |      | 8.2   | 10.1 | 10.2  | 11.1 | 11.2 |
|                                                   |                                                               |      | CLO3                     |      |     |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| CLO4                                              |                                                               |      |                          |      |     |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 23                                                | Nguyên lý chiến lược kinh doanh                               | CLO1 |                          |      | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO2 |                          |      |     |      | 4   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 24                                                | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý         | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 2    |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 3    |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      | 3     |      |       |      |      |
| 25                                                | International Business/Kinh doanh quốc tế                     | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 4    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |      |
| HỌC KỲ 5                                          |                                                               |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| Học phần bắt buộc                                 |                                                               |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 26                                                | International trade transactions/Giao dịch thương mại quốc tế | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 4   |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 27                                                | Digital Business Models/Các mô hình kinh doanh số             | CLO1 |                          |      |     |      |     | 4    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 4   |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |      |
| Học phần tự chọn (SV chọn 3 trong 4 học phần sau) |                                                               |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 28-29-30a                                         | Kinh tế học quốc tế                                           | CLO1 |                          |      | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO2 |                          |      |     |      |     |      | 4   |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 28-29-30b                                         | Địa chính trị                                                 | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 2    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 3    |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |      |
| 28-29-30c                                         | Đàm phán kinh doanh quốc tế                                   | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 4    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                                                   |                                                               | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |      |

| TT                                                | Tên học phần (HPi)                                              |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                                                   |                                                                 |      |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                                                   |                                                                 |      | CLOij                    | PI   | 1.1 | 1.2  | 2.1 | 2.2  | 3.1 | 3.2  | 4.1 | 4.2  | 5.1 | 5.2 | 5.3  | 6.1 | 6.2  | 7.1 | 7.2  | 8.1 |      | 8.2   | 10.1 | 10.2  | 11.1 |
|                                                   |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
| 28-29-30d                                         | Đầu tư quốc tế                                                  | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      | 4     |      |
| HỌC KỲ 6                                          |                                                                 |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc                                 |                                                                 |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 31                                                | International Finance/Tài chính quốc tế                         | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
| 32                                                | Market research/Nghiên cứu thị trường                           | CLO1 |                          |      |     | 4    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      | 5     |      |
| 33                                                | Distribution Channels/Kênh phân phối                            | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
| Học phần tự chọn (SV chọn 2 trong 3 học phần sau) |                                                                 |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 34-35a                                            | International Consumer Behavior/Hành vi người tiêu dùng quốc tế | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 3   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 3    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 3   |      |       |      |       |      |
| 34-35b                                            | Service Marketing/Marketing dịch vụ                             | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
| 34-35c                                            | Trade Policy in Practice/Chính sách thương mại quốc tế          | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 2   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                   |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
| HỌC KỲ 7                                          |                                                                 |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc                                 |                                                                 |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |

| TT                                                     | Tên học phần (HPI)                                                                 |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                                                        |                                                                                    |      |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                                                        |                                                                                    |      | CLOij                    | PI   | 1.1 | 1.2  | 2.1 | 2.2  | 3.1 | 3.2  | 4.1 | 4.2  | 5.1 | 5.2 | 5.3  | 6.1 | 6.2  | 7.1 | 7.2  | 8.1 |      | 8.2   | 10.1 | 10.2  | 11.1 |
| 36                                                     | Business data analytics/Phân tích dữ liệu kinh doanh                               | CLO1 |                          |      |     | 4    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 4    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 37                                                     | International Logistics/Logistics quốc tế                                          | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
| 38                                                     | International Cargo Transportation and Insurance/Vận tải và BH trong ngoại thương) | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 4    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Liên ngành: Học phần tự chọn (SV chọn 1 trong 2 hướng) |                                                                                    |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Hướng 1: Khởi nghiệp                                   |                                                                                    |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 39-40a                                                 | Entrepreneurship in the Digital Age/ Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số      | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 2    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 2    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 3    |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO4 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       | 3    |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO5 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 39-40a                                                 | Multicultural Management/Quản lý đa văn hóa                                        | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 4    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
| Hướng 2: Quản trị kinh doanh quốc tế                   |                                                                                    |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 39-40b                                                 | International Project Management/Quản trị dự án quốc tế                            | CLO1 |                          |      |     |      |     |      | 4   |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 4    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
| 39-40b                                                 | International human resource management/Quản trị nguồn nhân lực quốc tế            | CLO1 |                          | 4    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 4    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
| HỌC KỲ 8                                               |                                                                                    |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |

| TT                       | Tên học phần (HPi)                                                     |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |     |       |      |       |      |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|-------|------|-------|------|
|                          |                                                                        |      |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     |     | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                          |                                                                        |      | CLOij                    | PI   | 1.1 | 1.2  | 2.1 | 2.2  | 3.1 | 3.2  | 4.1 | 4.2  | 5.1 | 5.2 | 5.3  | 6.1 | 6.2  | 7.1 | 7.2  | 8.1 | 8.2 | PLO9  | 10.1 | 10.2  | 11.1 |
| <b>Học phần bắt buộc</b> |                                                                        |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |     |       |      |       |      |
| 41                       | International Business Strategy/Chiến lược kinh doanh quốc tế          | CLO1 |                          |      |     |      |     | 4    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |     |       |      |       |      |
|                          |                                                                        | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |     |       |      |       |      |
|                          |                                                                        | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |     |       |      | 5     |      |
| 42                       | Internship in International Business/Thực tập cuối khóa ngành KDQT     | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    | 4   |      |     |     |       |      |       |      |
|                          |                                                                        | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    | 4   |     |       |      |       |      |
|                          |                                                                        | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |     |       |      | 4     |      |
| 43                       | Dissertation in International Business/Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 4    | 4   |      |     |      |     |     |       |      |       |      |
|                          |                                                                        | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    | 4   |      |     |     |       |      |       |      |
|                          |                                                                        | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |     |       |      | 5     | 5    |
|                          |                                                                        | CLO4 |                          |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |     |       |      |       |      |
|                          |                                                                        | CLO5 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    | 4   |     |       |      |       |      |

|  |                              |  |    |    |   |   |    |   |    |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |   |   |   |   |   |   |
|--|------------------------------|--|----|----|---|---|----|---|----|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|---|---|---|---|---|---|
|  | <b>Mức 1</b>                 |  | 0  | 0  | 0 | 0 | 0  | 0 | 0  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | <b>Mức 2</b>                 |  | 13 | 2  | 0 | 1 | 5  | 0 | 7  | 6 | 7 | 5 | 1 | 0  | 2  | 4  | 2  | 0  | 0  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | <b>Mức 3</b>                 |  | 11 | 15 | 2 | 1 | 2  | 2 | 0  | 1 | 0 | 1 | 0 | 8  | 4  | 1  | 4  | 2  | 2  | 0 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 |
|  | <b>Mức 4</b>                 |  | 1  | 0  | 3 | 2 | 2  | 3 | 0  | 5 | 1 | 0 | 0 | 8  | 9  | 11 | 5  | 9  | 9  | 1 | 0 | 1 | 2 | 0 | 0 |
|  | <b>Mức 5</b>                 |  | 0  | 0  | 0 | 0 | 0  | 0 | 0  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 2 |
|  | <b>Học phần đóng góp</b>     |  |    |    |   |   |    |   |    |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |   |   |   |   |   |   |
|  | <b>Học phần đánh giá PI</b>  |  | 14 | 10 | 6 | 6 | 9  | 5 | 4  | 7 | 6 | 6 | 1 | 15 | 15 | 14 | 11 | 9  | 13 | 1 | 1 | 2 | 6 | 3 | 3 |
|  | <b>Học phần đánh giá PLO</b> |  | 19 |    | 9 |   | 11 |   | 13 |   | 9 |   |   | 27 |    | 24 |    | 18 |    | 1 |   | 2 |   | 7 |   |

### 15.3. Ma trận đóng góp học phần CLO.PLO.PI

| TT                | Tên học phần (HPi)  |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|-------------------|---------------------|------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|------|
|                   |                     |      |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |      |
|                   |                     |      | CLOij                    | PI   | 1.1 | 1.2  | 2.1 | 2.2  | 3.1 | 3.2  | 4.1 | 4.2  | 5.1 | 5.2 | 5.3  | 6.1 | 6.2  | 7.1 | 7.2  | 8.1 |      | 8.2   | 10.1 | 10.2  | 11.1 | 11.2 |
| HỌC KỲ 1          |                     |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| Học phần bắt buộc |                     |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 1                 | Triết học Mác-Lênin | CLO1 |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |

| TT                | Tên học phần (HPi)              |                   | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|-------------------|---------------------------------|-------------------|--------------------------|----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                   |                                 |                   |                          |    | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                   |                                 |                   | CLOij                    | PI | 1.1  | 1.2 | 2.1  | 2.2 | 3.1  | 3.2 | 4.1  | 4.2 | 5.1  | 5.2 | 5.3 | 6.1  | 6.2 | 7.1  | 7.2 | 8.1  | 8.2 |      | 10.1  | 10.2 | 11.1  | 11.2 |
|                   |                                 |                   | CLO2                     |    | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO3              |                          |    |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO4              |                          |    |      |     |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần               |                   |                          | 2  |      |     |      |     |      | 2   | 2    | 2   | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 2                 | Toán kinh tế 1                  | CLO1              |                          | 3  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO2              |                          | 3  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO3              |                          | 3  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO4              |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 3   | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | Tổng hợp học phần |                          |    | 3    | 3   |      |     | 3    | 3   |      |     |      |     | 3   | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 3                 | Pháp luật và thể chế            | CLO1              |                          | 3  |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO2              |                          |    |      |     |      | 2   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO3              |                          |    |      |     |      |     |      |     |      | 2   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần               |                   |                          | 2  |      |     |      | 2   |      |     | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 4                 | Quản trị học                    | CLO1              |                          | 2  |      |     |      |     |      |     | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO2              |                          |    |      |     |      |     |      |     | 3    |     | 3    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | Tổng hợp học phần |                          |    | 2    |     |      |     |      |     | 3    |     | 3    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 5                 | Kinh tế học vi mô               | CLO1              | 3                        |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO2              |                          |    |      | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO3              |                          |    |      |     |      |     |      |     | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | Tổng hợp học phần |                          |    |      | 3   | 3    |     |      |     | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 6                 | Nguyên lý kế toán               | CLO1              |                          | 3  |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO2              |                          |    | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO3              |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 3   |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO4              |                          |    |      |     |      | 2   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | Tổng hợp học phần |                          |    |      |     |      |     | 2    |     |      |     |      |     | 3   |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| HỌC KỲ 2          |                                 |                   |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc |                                 |                   |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 7                 | Kinh tế học vĩ mô               | CLO1              |                          |    | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO2              |                          |    |      |     | 3    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO3              |                          |    |      |     |      |     |      |     | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần               |                   |                          |    | 3    |     | 3    |     |      | 2   |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 8                 | Logic ứng dụng trong kinh doanh | CLO1              |                          |    | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                 | CLO2              |                          |    |      | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |

| TT                | Tên học phần (HPi)                    |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|-------------------|---------------------------------------|------|--------------------------|----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                   |                                       |      |                          |    | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                   |                                       |      | CLOij                    | PI | 1.1  | 1.2 | 2.1  | 2.2 | 3.1  | 3.2 | 4.1  | 4.2 | 5.1  | 5.2 | 5.3 | 6.1  | 6.2 | 7.1  | 7.2 | 8.1  | 8.2 |      | 10.1  | 10.2 | 11.1  | 11.2 |
|                   |                                       |      | CLO3                     |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Tổng hợp học phần |                                       |      |                          | 2  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      | 3   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 9                 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin         | CLO1 |                          | 2  |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2 |                          | 2  |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO4 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần                     |      |                          | 2  |      |     |      |     |      | 2   | 2    | 2   | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 10                | Lý thuyết xác suất và thống kê toán   | CLO1 |                          | 2  | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2 |                          | 3  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 3   | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần                     |      |                          | 3  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 3   | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 11                | Toán kinh tế 2                        | CLO1 |                          | 3  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2 |                          | 3  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3 |                          | 3  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO4 |                          | 3  | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO5 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 3   | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO6 |                          |    |      |     |      | 3   | 3    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần                     |      |                          | 3  | 3    |     |      | 3   | 3    |     |      |     |      |     | 3   | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 12                | Phát triển bền vững và Tài chính xanh | CLO1 |                          | 2  |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2 |                          |    |      |     |      | 2   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      | 2   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần                     |      |                          | 2  |      |     |      | 2   |      |     |      |     |      | 2   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 13                | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam        | CLO1 |                          | 2  |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2 |                          | 2  |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO4 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      | 2   | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần                     |      |                          | 2  |      |     |      |     |      | 2   | 2    | 2   | 2    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| HỌC KỲ 3          |                                       |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc |                                       |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 14                | Lịch sử kinh doanh                    | CLO1 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 2    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 3   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần                     |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 2   |      | 3   |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
| 15                |                                       | CLO1 |                          |    |      |     |      | 2   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                       | CLO2 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     | 3   |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |

| TT                | Tên học phần (HPi)                        |                   | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|-------------------|-------------------------------------------|-------------------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|------|
|                   |                                           |                   |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |      |
|                   |                                           |                   | CLOij                    | PI   | 1.1 | 1.2  | 2.1 | 2.2  | 3.1 | 3.2  | 4.1 | 4.2  | 5.1 | 5.2 | 5.3  | 6.1 | 6.2  | 7.1 | 7.2  | 8.1 |      | 8.2   | 10.1 | 10.2  | 11.1 | 11.2 |
|                   | Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính | CLO3              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |      |
|                   | Tổng hợp học phần                         |                   |                          |      |     |      |     | 2    |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |      |
| 16                | Chủ nghĩa xã hội khoa học                 | CLO1              |                          | 2    |     |      |     |      | 2   |      |     |      |     |     |      | 3   |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO2              |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO3              |                          |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO4              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | Tổng hợp học phần |                          |      | 2   |      |     |      |     |      | 2   | 2    | 2   | 2   |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 17                | Phương pháp nghiên cứu khoa học           | CLO1              |                          |      | 3   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO2              |                          |      |     |      | 4   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO3              |                          |      |     |      |     |      |     | 4    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | Tổng hợp học phần |                          |      |     | 3    |     | 4    |     |      | 4   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 18                | Phát triển năng lực số                    | CLO1              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 3   |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO2              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      | 4     |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO3              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 3   |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO4              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     | 3    |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | Tổng hợp học phần |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 3   |      |     |      | 3     | 4    |       |      |      |
| 19                | Marketing số                              | CLO1              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 2   |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO2              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 2    |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO3              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 3   |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO4              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       | 3    |       |      |      |
|                   |                                           | Tổng hợp học phần |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 2   | 2    | 3   |      |       |      | 3     | 3    |      |
| HỌC KỲ 4          |                                           |                   |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| Học phần bắt buộc |                                           |                   |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 20                | Tài chính doanh nghiệp                    | CLO1              |                          |      |     |      | 2   |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO2              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   | Tổng hợp học phần                         |                   |                          |      |     |      | 2   |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
| 21                | Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế | CLO1              |                          |      |     | 4    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO2              |                          |      |     |      |     | 4    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO3              |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     | 4    |       |      |       |      |      |
|                   | Tổng hợp học phần 1                       |                   |                          |      |     | 4    |     | 4    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     | 4    |       |      |       |      |      |
| 22                | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      | CLO1              |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |
|                   |                                           | CLO2              |                          | 2    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |      |

| TT                                                       | Tên học phần (HPi)                                            |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------|--------------------------|----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                                                          |                                                               |      |                          |    | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                                                          |                                                               |      | CLOij                    | PI | 1.1  | 1.2 | 2.1  | 2.2 | 3.1  | 3.2 | 4.1  | 4.2 | 5.1  | 5.2 | 5.3 | 6.1  | 6.2 | 7.1  | 7.2 | 8.1  | 8.2 |      | 10.1  | 10.2 | 11.1  | 11.2 |
|                                                          |                                                               |      | CLO3                     |    |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               |      | CLO4                     |    |      |     |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                      |      |                          | 2  |      |     |      |     |      |     | 2    | 2   | 2    | 2   |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 23                                                       | Nguyên lý chiến lược kinh doanh                               | CLO1 |                          |    | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO2 |                          |    |      |     | 4    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                      |      |                          |    | 3    |     | 4    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 24                                                       | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý         | CLO1 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 2    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO2 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 3    |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       | 3    |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                      |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 2    |     | 3    |     |      |       | 3    |       |      |
| 25                                                       | International Business/Kinh doanh quốc tế                     | CLO1 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO2 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                      |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   | 4    |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
| <b>HỌC KỲ 5</b>                                          |                                                               |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                                 |                                                               |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 26                                                       | International trade transactions/Giao dịch thương mại quốc tế | CLO1 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO2 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     | 4    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                      |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     | 4    |     |     | 4    |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 27                                                       | Digital Business Models/Các mô hình kinh doanh số             | CLO1 |                          |    |      |     |      |     | 4    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO2 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                      |      |                          |    |      |     |      |     | 4    |     |      |     |      |     |     | 4    |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
| <b>Học phần tự chọn (SV chọn 3 trong 4 học phần sau)</b> |                                                               |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 28-29-30a                                                | Kinh tế học quốc tế                                           | CLO1 |                          |    | 3    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO2 |                          |    |      |     |      |     | 4    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                      |      |                          |    | 3    |     |      |     | 4    |     | 4    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 28-29-30b                                                | Địa chính trị                                                 | CLO1 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 2   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO2 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 3   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                               | CLO3 |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                      |      |                          |    |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 2   |      | 3   |      | 4   |      |       |      |       |      |

| TT                                                       | Tên học phần (HPi)                                              |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                                                          |                                                                 |      | PI                       | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                                                          |                                                                 |      |                          | 1.1  | 1.2 | 2.1  | 2.2 | 3.1  | 3.2 | 4.1  | 4.2 | 5.1  | 5.2 | 5.3 | 6.1  | 6.2 | 7.1  | 7.2 | 8.1  | 8.2 |      | 10.1  | 10.2 | 11.1  | 11.2 |
| 28-29-30c                                                | Đàm phán kinh doanh quốc tế                                     | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                        |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   | 4    |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
| 28-29-30d                                                | Đầu tư quốc tế                                                  | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      | 4     |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                        |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     | 4    |     |      |       |      | 4     |      |
| <b>HQC KỲ 6</b>                                          |                                                                 |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                                 |                                                                 |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 31                                                       | International Finance/Tài chính quốc tế                         | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                        |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   | 4    |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
| 32                                                       | Market research/Nghiên cứu thị trường                           | CLO1 |                          |      | 4   |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     | 4    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      | 5     |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                        |      |                          |      | 4   |      |     |      |     | 4    |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       | 5    |
| 33                                                       | Distribution Channels/Kênh phân phối                            | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                        |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   | 4    |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
| <b>Học phần tự chọn (SV chọn 2 trong 3 học phần sau)</b> |                                                                 |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 34-35a                                                   | International Consumer Behavior/Hành vi người tiêu dùng quốc tế | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 3   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 3    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 3   |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                        |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 3   | 3    |     |      | 3   |      |       |      |       |      |
| 34-35b                                                   | Service Marketing/Marketing dịch vụ                             | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
|                                                          | <b>Tổng hợp học phần</b>                                        |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 3    |     |      | 4   |      | 4   |      |       |      |       |      |
| 34-35c                                                   |                                                                 | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                          |                                                                 | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 2   |      |     |      |       |      |       |      |

| TT                                                     | Tên học phần (HPi)                                                                 |      | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                                                        |                                                                                    |      |                          | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                                                        |                                                                                    |      | CLOij                    | PI   | 1.1 | 1.2  | 2.1 | 2.2  | 3.1 | 3.2  | 4.1 | 4.2  | 5.1 | 5.2 | 5.3  | 6.1 | 6.2  | 7.1 | 7.2  | 8.1 |      | 8.2   | 10.1 | 10.2  | 11.1 |
|                                                        | Trade Policy in Practice/Chính sách thương mại quốc tế                             | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
|                                                        | Tổng hợp học phần                                                                  |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      | 2   | 4    |     |      |       |      |       |      |
| HỌC KỲ 7                                               |                                                                                    |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc                                      |                                                                                    |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 36                                                     | Business data analytics/Phân tích dữ liệu kinh doanh                               | CLO1 |                          |      |     | 4    |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        | Tổng hợp học phần                                                                  |      |                          |      |     | 4    |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
| 37                                                     | International Logistics/Logistics quốc tế                                          | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     | 4    |       |      |       |      |
|                                                        | Tổng hợp học phần                                                                  |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    | 4   |      |     | 4    |       |      |       |      |
| 38                                                     | International Cargo Transportation and Insurance/Vận tải và BH trong ngoại thương) | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     | 4    |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        | Tổng hợp học phần                                                                  |      |                          |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      | 4   |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
| Liên ngành: Học phần tự chọn (SV chọn 1 trong 2 hướng) |                                                                                    |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Hướng 1: Khởi nghiệp                                   |                                                                                    |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 39-40a                                                 | Entrepreneurship in the Digital Age/ Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số      | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 2   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 2   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     | 3    |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO4 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      | 3     |      |
|                                                        | Tổng hợp học phần                                                                  |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 2   |      |     | 3    |       |      |       | 3    |
| 39-40a                                                 | Multicultural Management/Quản lý đa văn hóa                                        | CLO1 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      | 4   |      |       |      |       |      |
|                                                        | Tổng hợp học phần                                                                  |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      | 4   |      | 4   |      |       |      |       |      |
| Hướng 2: Quản trị kinh doanh quốc tế                   |                                                                                    |      |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 39-40b                                                 | International Project Management/Quản trị dự án quốc tế                            | CLO1 |                          |      |     |      |     |      | 4   |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO2 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                                                        |                                                                                    | CLO3 |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |

| TT                | Tên học phần (HPi)                                                      | CLOij | Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs) |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-------|------|-------|------|
|                   |                                                                         |       | PI                       | PLO1 |     | PLO2 |     | PLO3 |     | PLO4 |     | PLO5 |     |     | PLO6 |     | PLO7 |     | PLO8 |     | PLO9 | PLO10 |      | PLO11 |      |
|                   |                                                                         |       |                          | 1.1  | 1.2 | 2.1  | 2.2 | 3.1  | 3.2 | 4.1  | 4.2 | 5.1  | 5.2 | 5.3 | 6.1  | 6.2 | 7.1  | 7.2 | 8.1  | 8.2 |      | 10.1  | 10.2 | 11.1  | 11.2 |
|                   | Tổng hợp học phần                                                       |       |                          |      |     |      |     |      | 4   |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
| 39-40b            | International human resource management/Quản trị nguồn nhân lực quốc tế | CLO1  |                          | 4    |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                                                         | CLO2  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                                                         | CLO3  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    |     |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần                                                       |       | 4                        |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     | 4    |     |      | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
| HỌC KỲ 8          |                                                                         |       |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| Học phần bắt buộc |                                                                         |       |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
| 41                | International Business Strategy/Chiến lược kinh doanh quốc tế           | CLO1  |                          |      |     |      |     | 4    |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                                                         | CLO2  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                                                         | CLO3  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       | 5    |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần                                                       |       |                          |      |     |      |     | 4    |     |      |     |      |     |     |      | 4   |      |     |      |     |      |       | 5    |       |      |
| 42                | Internship in International Business/Thực tập cuối khóa ngành KDQT      | CLO1  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    | 4   |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                                                         | CLO2  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    | 4   |      |       |      |       |      |
|                   |                                                                         | CLO3  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      | 4     |      |
|                   | Tổng hợp học phần                                                       |       |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     | 4    | 4   | 4    | 4   |      |       |      | 4     |      |
| 43                | Dissertation in International Business/Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT  | CLO1  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      | 4   | 4    |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                                                         | CLO2  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      | 4   | 4    |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                                                         | CLO3  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      | 5     | 5    |
|                   |                                                                         | CLO4  |                          |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   |                                                                         | CLO5  |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     | 4    | 4   |      |       |      |       |      |
|                   | Tổng hợp học phần                                                       |       |                          |      |     |      |     |      |     |      | 4   |      |     |     |      | 4   | 4    | 4   | 4    | 4   | 4    |       |      |       | 5    |
|                   | Mức 1                                                                   |       |                          | 1    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0     | 0    | 0     | 0    |
|                   | Mức 2                                                                   |       |                          | 13   | 2   | 2    | 3   | 5    | 0   | 4    | 3   | 6    | 4   | 1   | 0    | 2   | 4    | 1   | 0    | 0   | 0    | 0     | 0    | 0     | 0    |
|                   | Mức 3                                                                   |       |                          | 12   | 15  | 2    | 1   | 3    | 2   | 0    | 1   | 0    | 1   | 0   | 8    | 4   | 1    | 4   | 2    | 2   | 0    | 1     | 1    | 2     | 1    |
|                   | Mức 4                                                                   |       |                          | 1    | 0   | 3    | 3   | 2    | 3   | 0    | 4   | 1    | 1   | 0   | 7    | 9   | 10   | 7   | 7    | 11  | 1    | 0     | 1    | 2     | 0    |
|                   | Mức 5                                                                   |       |                          | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0   | 0    | 0     | 2    | 2     |      |
|                   | Học phần đóng góp                                                       |       |                          |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |     |      |     |      |     |      |     |      |       |      |       |      |
|                   | Học phần đánh giá PI                                                    |       |                          | 14   | 10  | 6    | 6   | 9    | 5   | 4    | 7   | 6    | 6   | 1   | 15   | 15  | 14   | 11  | 9    | 13  | 1    | 1     | 2    | 6     | 3    |
|                   | Học phần đánh giá PLO                                                   |       |                          | 19   |     | 9    |     | 11   |     | 13   |     | 9    |     |     | 27   |     | 24   |     | 18   |     | 1    | 2     |      | 7     |      |

## 16. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                                                     | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | MLM306 | Triết học Mác-Lênin<br><i>/ Marxist-Leninist<br/>philosophy</i>                                  | Triết học Mác – Lênin là học phần cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Học phần giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Học phần góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp. |
| 2  | MLM307 | Kinh tế chính trị Mác<br>- Lênin/ <i>Political<br/>Economics of<br/>Marxism and<br/>Leninism</i> | Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.                                                                                                                                                                                   |
| 3  | MLM308 | Chủ nghĩa xã hội<br>khoa học/ <i>Scientific<br/>socialism</i>                                    | Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 4  | MLM309 | Lịch sử Đảng cộng<br>sản Việt<br>Nam/ <i>History of<br/>Vietnamese<br/>communist party</i>       | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.                                                                                                                                                                  |
| 5  | MLM303 | Tư tưởng Hồ Chí<br>Minh/ <i>Ideologies of<br/>Ho Chi Minh</i>                                    | Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ bản, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được                                                                                                                                                                                                                   |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                              | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|--------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |        |                                                                           | vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 6  | AMA303 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán/<br><i>Probability and Statistics</i> | Học phần trang bị cho sinh viên nền tảng căn bản và các công cụ xác suất thống kê để tiếp cận với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Giúp sinh viên bước đầu vận dụng kiến thức học phần trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị và hệ thống thông tin quản lý.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 7  | LAW798 | Pháp luật và thể chế /<br><i>Introduction to Laws</i>                     | Pháp luật và thể chế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho người học các vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật và thể chế. Sau khi học xong học phần, người học có được các kiến thức cơ bản về thể chế từ khái niệm, các yếu tố cấu thành của thể chế. Trên cơ sở kiến thức về thể chế, người học vận dụng vào việc luận giải thể chế pháp luật liên quan đến: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; chủ thể ban hành pháp luật; cơ chế điều chỉnh pháp luật trong mối quan hệ với ghi nhận và bảo đảm thực thi quyền con người. Từ kiến thức được trang bị, người học chủ động lựa chọn cách thức xử sự phù hợp với quy định pháp luật và trách nhiệm với cộng đồng; có ý thức tuân thủ pháp luật và tinh thần kiến tạo, bảo vệ công lý. |
| 8  | MAE701 | Toán kinh tế 1/<br><i>Mathematic for Economics 1</i>                      | Toán kinh tế 1 là học phần thuộc khối kiến thức đại cương. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về toán Đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector và một số ứng dụng trong kinh tế. Đây là học phần tiền đề cho môn Toán kinh tế 2.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 9  | MAE702 | Toán kinh tế 2/<br><i>Mathematic for Economics 2</i>                      | Toán kinh tế 2 là học phần thuộc khối kiến thức đại cương. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về ứng dụng của toán giải tích trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị của hàm nhiều biến; phương trình vi phân cấp 1, cấp 2.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 10 | MES302 | Kinh tế học vi mô/<br><i>Microeconomics</i>                               | Kinh tế học vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần nhằm hướng đến các mục tiêu : (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng ; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như : Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm : Mười nguyên lý kinh tế học ; các lý thuyết về cung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                                               | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |        |                                                                                            | – cầu ; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 11 | MES303 | Kinh tế học vĩ mô/<br><i>Macroeconomics</i>                                                | Kinh tế học vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, học phần gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 12 | FIN730 | Phát triển bền vững và Tài chính xanh/<br><i>Sustainable development and Green finance</i> | Học phần Phát triển bền vững và Tài chính xanh cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về phát triển bền vững và tài chính xanh; mối liên hệ, vai trò của hệ thống tài chính đối với giữa các mục tiêu phát triển bền vững. Nội dung học phần tập trung làm rõ các vấn đề cơ bản về biến đổi khí hậu và các vấn đề toàn cầu, phát triển bền vững và mối liên hệ giữa tài chính với phát triển bền vững ; các chính sách quốc tế và mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc; các chính sách, chiến lược, chương trình hành động của Việt Nam liên quan đến phát triển bền vững. Học phần trang bị cho người học hiểu biết về các hệ thống, phương pháp đo lường, giám sát các mục tiêu phát triển bền vững; cũng như đo lường và báo cáo tác động, mức độ phù hợp và dòng vốn của tài chính xanh. Người học cũng sẽ được trang bị kiến thức về sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ tài chính xanh tiêu như: ngân hàng xanh, trái phiếu xanh, đầu tư có trách nhiệm và đầu tư bền vững; vai trò của nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân, khu vực tài chính trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và bền vững. Qua đó, người học hình thành nhận thức về trách nhiệm đối với phát triển bền vững, có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp tài chính góp phần thúc đẩy phát triển bền vững trong thực tiễn |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                                 | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | ACC301 | Nguyên lý kế toán /<br><i>Principles of Accounting</i>                       | Nguyên lý kế toán là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán bao gồm: khái niệm, đối tượng, vai trò, các nguyên tắc và hệ thống các phương pháp của kế toán. Đồng thời vận dụng các kiến thức đó để thực hiện quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                |
| 14 | ITS723 | Logic ứng dụng trong kinh doanh/ <i>Applied Logic in Business</i>            | Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở toán học trong khoa học máy tính và mật mã. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để nâng cao kỹ năng suy luận, cũng như kỹ năng truyền đạt. Đồng thời, sinh viên áp dụng kiến thức đã học trong các học phần trong chương trình đào tạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 15 | MAG322 | Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>                              | Học phần được xây dựng tạo nền tảng về công việc quản trị trong tổ chức. Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Nội dung tập trung giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề học phần bao gồm một số cách tiếp cận đến các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại.                                                                                                                        |
| 16 | BAF736 | Tiền tệ, ngân hàng và công nghệ tài chính/ <i>Money, Banking and Fintech</i> | Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về tiền tệ, ngân hàng như: tổng quan về tiền tệ, sự phát triển của hệ thống thanh toán, thị trường tài chính và các công cụ trên thị trường tài chính, ngân hàng thương mại và hoạt động của NHTM, ngân hàng trung ương và các chính sách tiền tệ. Sau đó giới thiệu các kiến thức cơ bản về công nghệ tài chính như: Tổng quan về công nghệ tài chính, tác động của FINTECH đến ngân hàng truyền thống, hệ sinh thái FINTECH, công nghệ thúc đẩy FINTECH. Nội dung của học phần là những kiến thức cần thiết, quan trọng, và làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính-ngân hàng, công nghệ tài chính. |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                                         | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|--------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | FIN303 | Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>                                     | Tài chính doanh nghiệp là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý tài chính doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị của tiền theo thời gian, lợi nhuận và rủi ro, chi phí vốn, hệ thống đòn bẩy, và các lý thuyết về cơ cấu vốn. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn sử dụng các phương tiện hỗ trợ xử lý số liệu như máy tính và phần mềm excel trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 21 | INE704 | Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>              | Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần kiến thức cơ sở khối ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, học phần sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu. |
| 22 | ITS772 | Phát triển năng lực số/ <i>Digital Capabilities Development</i>                      | Học phần trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên các khối ngành của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có được năng lực số cần thiết để sống, học tập, làm việc và tham gia giao tiếp xã hội một cách chủ động, tích cực và an toàn trong môi trường số. Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về năng lực khai thác dữ liệu trong môi trường số, bảo mật trong môi trường số cũng như kỹ năng sử dụng được các nền tảng, phần mềm và thiết bị số trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.                                                                                                                                                   |
| 23 | ENP759 | Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/ <i>English for International Business</i> | Đây là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành, bao gồm 4 chương nội dung. Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh sử dụng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các kiến thức và bài đọc trích từ các tài liệu liên quan đến lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, từ đó sinh viên được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức và từ vựng chuyên ngành thông qua đa dạng các hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình.                                                                                                                                                                                          |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                        | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|--------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 24 | DIM706 | Marketing số/ <i>Digital Marketing</i>              | Marketing số (digital marketing) là xu hướng tất yếu của marketing hiện đại. Học phần là phần tiếp nối của nguyên lý marketing áp dụng trong ngành marketing và đề cập trực tiếp các phương pháp, công cụ, hướng tiếp cận của marketing số. Qua đó giúp người học có được hướng tiếp cận và cách xử lý vấn đề phù hợp với tình hình phát triển mới của khoa học công nghệ trong công tác cung cấp dịch vụ tới khách hàng cả B2B và B2C.                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 25 | INB718 | Lịch sử kinh doanh/ <i>Business History</i>         | Lịch sử kinh doanh là môn thuộc khối kiến thức cơ bản, trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học nhận thức đầy đủ về lịch sử kinh doanh, hoạt động kinh doanh đã hình thành và được định hình như thế nào bởi các thể lực xã hội và chính trị khác nhau, nâng cao khả năng đọc và tư duy phản biện, phát triển kỹ năng phân tích, học cách tổ chức và trình bày những suy nghĩ và nghiên cứu của họ dưới dạng các bài tiểu luận học thuật. Học phần sẽ khám phá sự tương tác giữa tư nhân giới kinh doanh và thể giới chính trị đại chúng trong mối quan hệ phụ lẫn nhau để xác định xã hội phương Tây hiện đại. Học phần cũng phân tích sự hình thành các loại hình doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay |
| 26 | INE302 | Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i> | Học phần nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn). Học phần cung cấp hệ thống các học thuyết kinh tế quốc tế, các công cụ chính sách thương mại quốc tế và những phân tích cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 27 | INB722 | Địa chính trị/ <i>Geopolitics</i>                   | Địa chính trị là môn thuộc khối kiến thức ngành, trang bị kiến thức về các khái niệm và lý thuyết về địa chính trị và ứng dụng của chúng đối với các sự kiện, vấn đề hiện tại. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết về các mối quan hệ giữa địa lý, quyền lực và quan hệ quốc tế. Đồng thời giúp người học khả năng phân tích và đánh giá các động lực địa chính trị của các khu vực khác nhau trên thế giới bao gồm cả bối cảnh lịch sử và văn hóa. Thông qua học phần, sinh viên có hiểu biết rộng về vai trò của địa chính trị trong việc hình thành các mối quan hệ quốc tế, cũng như kỹ năng phân tích và tham gia vào bối cảnh địa chính trị phức tạp và luôn thay đổi ngày nay.                                         |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                                                                                     | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 28 | INB717 | Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ <i>Principles of Business Strategy</i>                                                          | Học phần cung cấp sinh viên kiến thức chủ yếu về chiến lược và quản trị chiến lược. Nội dung chính gồm: phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, kiểm soát chiến lược.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 29 | ITS754 | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý/ <i>Applications of Artificial Intelligence in Business and Management</i> | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý là học phần tự chọn định hướng liên ngành thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý. Học phần nhằm mục đích trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo (AI) và kiến thức chuyên sâu về đặc tính của các nhóm công cụ trí tuệ nhân tạo, bên cạnh đó phát triển kỹ năng phân tích, định dạng các vấn đề trong thực tiễn thành các hình thái tương thích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Sinh viên sẽ được hướng dẫn nhận biết các nhóm công cụ trí tuệ nhân tạo phù hợp với các nhu cầu cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, cũng như được hướng dẫn các kỹ thuật nâng cao nhằm ứng dụng các công cụ này một cách hiệu quả. |
| 30 | MAG318 | Đàm phán kinh doanh quốc tế/ <i>International business negotiation</i>                                                           | Đàm phán Kinh doanh quốc tế trang bị cho người học kiến thức nền tảng và kỹ năng ứng dụng về quá trình chuẩn bị, tiến hành và đánh giá đàm phán trong bối cảnh kinh doanh xuyên biên giới. Học phần tập trung vào tư duy đàm phán, phân tích lập trường và lợi ích, xây dựng phương án thay thế, chiến lược và chiến thuật đàm phán, giao tiếp và thuyết phục, quyền lực, phong cách đàm phán, xử lý xung đột và khác biệt văn hóa. Thông qua thảo luận, phân tích tình huống và mô phỏng đàm phán, người học có khả năng vận dụng kiến thức để đề xuất phương án đàm phán phù hợp trong các quan hệ thương mại, phân phối, hợp tác, liên doanh và các giao dịch kinh doanh quốc tế.                                                 |
| 31 | INE311 | Đầu tư quốc tế/ <i>International Investment</i>                                                                                  | Học phần Đầu tư quốc tế là môn thuộc khối kiến thức ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Kinh tế Quốc tế. Học phần cung cấp khung lý thuyết, công cụ hoạch định và các chiến lược tiến hành hoạt động đầu tư quốc tế. Học phần giúp sinh viên tìm hiểu môi trường đầu tư quốc tế cũng như các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư quốc tế. Học phần chú trọng đến việc giới thiệu khung lý thuyết nền tảng tác động đến hoạt động đầu tư quốc tế và phân tích tình huống hoạt động đầu tư quốc tế tại các doanh nghiệp quốc tế.                                                                                                                                                                                                  |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                            | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|--------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 32 | INE716 | International Business/ <i>Kinh doanh quốc tế</i>                       | International Business provides students with essential knowledge and skills for comprehending the dynamics of the international business environment. This course lays a foundation for analyzing and strategizing effectively in today's dynamic international economy. The first section of the course indicates the nature and characteristics of the business environment at both national and international scales, encompassing economic, political, legal, cultural, commercial, and investment aspects, along with currency considerations. The latter section of the course focuses on the frameworks for analyzing and determining international business strategies, including approaches for entering foreign markets. |
| 33 | INB734 | International Consumer Behavior/ <i>Hành vi người tiêu dùng quốc tế</i> | The course provides students with a foundational understanding of consumer behavior analysis, with a particular focus on international consumers. The content covers an overview of consumer behavior, including motivations, personality traits, perception, communication channels, and cultural factors in global business contexts. Alongside core theories of consumer behavior — such as needs theory, perception theory, and cultural trend theory — students are also equipped with practical skills for designing, implementing, and evaluating consumer communication strategies.                                                                                                                                         |
| 34 | INE719 | International trade transactions/ <i>Giao dịch thương mại quốc tế</i>   | International trade transactions covers export and import operations. This module provides key topics such as choosing modes of transactions, negotiations and formation of a sales contract, stages to conduct a sales contract, procedures and documents in foreign trade. Through all these topics, students will get introduced to related subjects as international cargo transportation and insurance, international payments and international trade disputes.                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 35 | INB731 | Business data analytics/ <i>Phân tích dữ liệu kinh doanh</i>            | The course is designed to equip students with fundamental knowledge of mathematics and statistics as applied in business activities. By providing a systematic set of methods for analysing collected data into useful information that serves as a basis for business decision-making (i.e. descriptive statistics, inferential statistics, statistical index analysis, and forecasting future trends), the course aims to enhance students' ability to analyse business problems in various                                                                                                                                                                                                                                       |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                   | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|--------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |        |                                                                | situations. Upon completion, students will not only master theoretical principles but also be able to use statistical software such as Excel and SPSS, as well as develop skills in presenting analytical reports.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 36 | INE726 | Trade Policy in Practice/ <i>Chính sách thương mại quốc tế</i> | The subject of International Trade Policy is a compulsory subject in the field of knowledge. The subject provides students with a system of basic knowledge on policy analysis and a system of tools of international trade policy (free trade agreements, tariffs, quotas, subsidies, dumping, administrative and technical measures). The subject focuses on analyzing specific international trade policies of developing countries, including Vietnam. In addition to theoretical analysis of policies and tools, practical situations in trade policy practice are also provided.                                                                                                                                                                                                                       |
| 37 | INB737 | Market research/ <i>Nghiên cứu thị trường</i>                  | The market research course aims to examine research methods and techniques applied to solve problems in the current or potential market. Through this course, students will understand how to identify research problems from the symptoms that businesses are facing, build research objectives based on the diagnosed problem, prepare a market research proposal, collect survey data, perform statistical analysis, and present a professional report. The course content also includes guiding students to use popular statistical software to assist in statistical processing to save time, effort, and increase the accuracy of calculation results, as well as help students become familiar with statistical work applied in real market research, which requires the use of statistical programs. |
| 38 | INB733 | Distribution Channels/ <i>Kênh phân phối</i>                   | This course is part of the specialised knowledge block, providing students with essential knowledge and skills to develop a comprehensive understanding of the historical development, nature, and characteristics of distribution channels in international business practice. The initial part of the course covers the environment and structure of distribution channels at both national and international levels. The course also emphasises channel strategy design and highlights                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                              | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|--------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |        |                                                           | technological trends currently applied in distribution channel development.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 39 | INB732 | Digital Business Models/ <i>Các mô hình kinh doanh số</i> | The course Digital Business Models explores how digital technologies and data reshape value creation and competitive strategy. It covers key models such as B2C, B2B, platform-based, and hybrid models, emphasizing ecosystems, innovation, and digital transformation. Through real-world cases, students develop analytical and problem-solving skills to design effective digital business models in dynamic markets.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 40 | INB739 | Service Marketing/ <i>Marketing dịch vụ</i>               | This course offers students the knowledge related to service marketing principles as well as provides the approaches to solve common issues in customer service. Beyond valuable service marketing knowledge, learners will have opportunities to explore diverse and practical business cases in various sectors, including healthcare, education, finance, information technology, travel, tourism, wholesale, retail, public services, and other service types. In Part I, the course discusses the overview of service marketing and common strategies in this field. Part II focuses on methods for evaluating the effectiveness of service marketing strategies.                                                                                                                                                                                                                                                |
| 41 | INE708 | International Finance/ <i>Tài chính quốc tế</i>           | This course is designed to provide students with the foundational knowledge and basic research skills in the field of international finance with an approach to economic analysis and application in today's business activities. The course includes 3 main parts. Part I covers the theoretical foundations of international finance. This section will clarify and emphasize the connection and interaction between markets and economies through the theories of international parity relationships between prices, interest rate and exchange rates. Factors affecting exchange rates and exchange rate forecasting methods are also clarified in part I. Part II surveys the landscape and structure of the global monetary and financial environment. In this section, the international monetary system and global financial institutions, as well as the system of global financial currency markets will be |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                                                    | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |        |                                                                                                 | analysed. This section also addressed the international capital flows and control of these flows by governments. Part III focuses on international financial practices in global business, in which the financial activities of international businesses and exchange rate risk management are resolved. In addition, students discuss and handle applied analytical situations related to international financial relations and exchange rate risks in international trade and investment activities.                                                                                                                                                                                               |
| 42 | INE717 | International Logistics/ <i>Logistics quốc tế</i>                                               | International Logistics is a subject designed to help students majoring in International Economics at Ho Chi Minh City University of Banking know from theoretical to practical basis on basic content of logistics and operations of logistics that businesses are currently applying to optimize current resources at the lowest cost.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 43 | INE720 | International Cargo Transportation and Insurance/ <i>Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương</i> | This module provides details about international cargo transportation and insurance which are essential in export and import operations. In the field of international cargo transportation, it covers key topics as carriage of goods by sea, by air, by road and rail, by container and multimodal transport. As for international cargo insurance, this module focuses on marine cargo insurance and also introduces air cargo insurance. For more details, students will obtain skills in calculating freight charges and insurance premium to bring benefits to enterprises. Students also inquire into contracts and documentation relating to the subject.                                    |
| 44 | INE715 | International Business Strategy/ <i>Chiến lược kinh doanh quốc tế</i>                           | International business strategy is a course in the specialized knowledge block of Economics/International Business. This course provides a system of theories and practices about the business strategies of multinational companies. This course offers basic knowledge about organizing, planning and implementing business strategies of international businesses, from the global level of the corporation to national units. Students are trained in the process of analyzing and evaluating the external environment and internal resources, building strategic directions to position value and markets, international production strategies, and ways to method of entering foreign markets. |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                                            | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 45 | DIM743 | Entrepreneurship in the Digital Age/<br><i>Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số</i> | This course is a part of the Business Administration specialization. It provides students with the foundational knowledge and practical skills from various fields such as management, finance, human resources, and marketing to develop and implement entrepreneurial ideas. The content includes generating entrepreneurial ideas, business planning, and organizing entrepreneurial activities. Upon completion, students will be able to: 1. Search for and evaluate ideas; 2. Analyze markets and customer needs for products and services; 3. Develop business plans; 4. Implement entrepreneurial business plans; and 5. Orient themselves towards becoming entrepreneurs. |
| 46 | INB738 | Multicultural Management/ <i>Quản lý đa văn hóa</i>                                     | Multicultural Management is a module that equips students with the knowledge and skills necessary to fully understand cultural diversity and to be able to face the challenges of managing in a multicultural environment. The first part of the module focuses on cross-cultural approaches to management. The latter part of the module emphasizes cultural differences and their impact on the international economic and business environment, and proposes practical management strategies in a multicultural context.                                                                                                                                                        |
| 47 | INB736 | International Project Management/ <i>Quản trị dự án quốc tế</i>                         | International Project Management equips learners with practical knowledge and skills in managing international projects and programs, with a special focus on multinational investment/business projects and programs of organizations and enterprises. The main topics cover the fundamental knowledge framework on the characteristics of international projects, the position and relationship of projects in the overall international strategy of an organization, the management process and content of stages in international project management, and case studies of some typical international project types.                                                            |
| 48 | INB735 | International human resource management/ <i>Quản trị nguồn nhân lực quốc tế</i>         | International Human Resource Management is a specialized course oriented toward practical application and analytical practice. The course explores perspectives on the formulation and implementation of human resource policies in multinational corporations and aims to develop a solid understanding of managerial actions. Specifically, the course addresses the global context, including the relationships among                                                                                                                                                                                                                                                           |

| TT | Mã HP  | Tên Học phần                                                                   | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|--------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |        |                                                                                | multinational corporations (MNCs), between MNCs and nations, as well as the driving forces and trends toward global human resource integration. It examines the characteristics, policies, and strategies of MNCs in recruiting, training, and managing international human resources, along with the challenges that arise in managing a diverse workforce — one that encompasses varying perspectives on gender, ethnicity, institutions, and culture.                                                                                                                                                                                                     |
| 49 | INT713 | Internship in International Business/ <i>Thực tập cuối khóa ngành KDQT</i>     | The Final Internship is a compulsory course in the International Business program and an essential component of the training process. It aims to help students apply the knowledge they have acquired in a real professional environment, gain a deeper understanding of theoretical concepts, and develop the practical skills and competencies necessary for their future careers, while also contributing constructive feedback to the host organization. This course is scheduled at the final stage of the program, after students have accumulated sufficient academic knowledge to successfully meet the professional requirements of the internship. |
| 49 | REP713 | Dissertation in International Business/ <i>Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT</i> | The Dissertation (Graduation Thesis) course is designed to provide students with the opportunity to conduct independent research in the field of International Business, applying theoretical knowledge while demonstrating analytical and critical thinking skills. Under the supervision and guidance of an academic advisor, students will apply their disciplinary knowledge and research methodologies to address a specific research question. Based on their findings, students are expected to suggest directions or propose solutions related to the research problem.                                                                              |

## 17. Hướng dẫn thực hiện

**17.1. Dạy và học trực tuyến:** Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

**17.2. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng:** Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

**17.3. Các học phần tiếng Anh:** Không thiết kế các học phần tiếng Anh căn bản vào Chương trình đào tạo. Tiếng Anh chuyên ngành gồm 1 học phần với tổng số 3 đơn vị tín chỉ: Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế (3 đvtc).

#### **17.4. Chuẩn Tin học:**

**Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:**

- Sinh viên đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức;
- Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường cấp;
- Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.
- Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

**Chuẩn Tin học đầu ra: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:**

- Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;
- Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.
- Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

#### **17.6. Chuẩn tiếng Anh:**

**Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành:** Sinh viên phải đạt điểm theo yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc các điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS 3.5 ...). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng nhận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

**Chuẩn tiếng Anh đầu ra:** Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng nhận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

#### **17.7. Chuẩn kỹ năng mềm**

Sinh viên hoàn thành các học phần kỹ năng mềm và được cấp chứng chỉ theo quy định của nhà trường.

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học.

**DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG**

**KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT**

**TRƯỞNG KHOA**

**PGS. TS. HÀ VĂN DŨNG**